

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



MỤC LỤC

Phi Lộ

PHẦN A . THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ TRONG BÀ LA MÔN GIÁO VÀ TRÔNG ÍT NHIỀU HUYỀN MÔN KIM CỔ

- I. Bà La Môn giáo với thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể
- II. Kabbale với quan niệm vạn vật đồng nhất thể
- III. Huyền môn cổ Ai Cập với thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể
 - Hermès Trismégiste với quan niệm trên
 - Kỳ thư Kybalion với quan niệm trên
- IV. Hội Tam Điểm với thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể
- V. Ít nhiều đại triết học và Thông Thiên Học với thuyết trên
 - Pythagore
 - Plotin
 - Các nhà huyền học Hồi giáo (Soufisme)
 - Thông Thiên Học

PHẦN B . THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ TRONG TAM GIÁO VÀ CAO ĐÀI GIÁO

- I. Phật giáo với thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể
- II. Lão giáo
- III. Nho giáo
- IV. Cao Đài giáo

KẾT LUẬN

PHI LỘ

Đó là một học thuyết. Không biết rõ danh hiệu này phát xuất từ bao giờ, nhưng nó thật là một kho tàng chung của Thiên hạ.

Gần đây tôi đọc quyển Le Symbolisme des Nombres của Bác Sĩ R. Allendy (Paris Chacornac Frères, 11 Quai Saint Michel. 1948), tôi thấy Thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể, hay Nhất tức nhất Thiết, Nhất Thiết tức nhất cũng được nói qua tới.

Sách cho biết vũ trụ này là một (Les anciens Alchimistes grecs disaient:” L’Univers est un” Strd. tr. 9).

- Một tán thành Vạn, Vạn qui về một. Strd, tr. 10)

- Héraclite nói: Một sinh ra từ Vạn thù, Vạn Thù sinh ra từ Một. (De la multiplicité des choses provient l’Un, et de l’Un la multiplicité. Strd, tr.10)

- Một tiến ra Vạn bằng phân tách, Vạn trở về Nhất bằng Qui Nạp (Là est le secret des deux sentiers: Sentiers mystique d’union, de Yoga, par lequel l’être retourne vers L’Unité synthétique dont il émane, et le sentier de séparation, d’individualisme, d’égoïsme, qui partant de la singularité personnelle comme d’un terme ultime, ne peut que descendre vers l’unité analytique absolue 0/1, c’est-à-dire vers l’anéantissement progressif. Strd. tr.11).

- Như vậy, chúng ta chỉ là những miếng vụn của Toàn Thể duy nhất (Alors que l'illusion des sens tend à montrer la personnalité actuelle comme l'unité suffisante, le mysticisme est la compréhension du Macrocosme dont les êtres actuels ne sont que des fragments; c'est la réalisation de l'Unité. Strd. Tr. 11)

Sách trích dẫn Bhagavad-Gita (Bà La Môn giáo), l'Imitation de Jésus-Christ (Công Giáo), và Huyền Học Kabbale và cho rằng chúng ta phải tìm cho ra được nhất thể ấy, và phải sống phối hợp nhất như với Nhất thể ấy (Strd.tr. 12).

Ví dụ Bhagavad Gita viết: Cho nên, người sống hợp nhất, tâm hồn sẽ thanh cao và thấy Hồn mình ở trong vạn vật, và Vạn vật trong tâm hồn của họ, khi hồn họ sống kết hợp với Trời, và thấy đâu đâu cũng là đồng nhất.

-Ai mà thấy ta ở khắp mọi nơi, và thấy trong ta có muôn vật, thì không thể mất ta, và cũng không bị ta bỏ rơi.

- Kề nào tôn thờ Bản Thể ta trong muôn vật, và sống vững chãi trong Đồng Nhất, thì bất kỳ hoàn cảnh nào. cũng luôn sống với ta.

- Ai mà biết mình là Nhất Thể, và thấy đâu đâu cũng là Nhất thể, thì dù sướng hay khổ, cũng là một đạo sư thượng thặng.

(Il est écrit dans la Bhabavad-Gita: "Ainsi, par l'Union...L'Homme purifié voit l'Âme résidant en tous les êtres vivants et dans l'Âme tous ces êtres, lorsque son Âme est unie de l'Union divine et qu'il voit de toutes parts l'identité.

- Celui qui me voit partout et qui voit tout en moi ne peut plus me perdre ni être perdu pour moi.

- Celui qui adore mon essence résidant en tous les êtres vivants et qui demeure ferme dans le spectacle de l'Unité, et en quelque situation qu'il se trouve, est toujours avec moi.

- Celui qui, instruit par sa propre identité, voit l'identité partout, heureux ou malheureux, est un yogi excellent.) (Le Symbolisme des Nombres, p. 12.- Bhagavad-Gita VI, 29, 30, 31,32, tr. Burnouf.)

Gương Phúc (L'imitation de Jésus Christ) viết: " Ai mà thấy tất cả là một, đem mọi sự về một, và thấy mọi sự trong một, thì lòng sẽ bình yên, và sẽ sống bình yên trong Thượng Đế. (Celui qui trouve tout dans l'Unité, qui rapporte tout à l'Unité, et qui voit tout dans l'Unité peut avoir le coeur stable et demeurer en paix avec Dieu) (Le Symbolisme des Nombres, p. 12. Imitation de Jésus-Christ, I- 3)

Sách Kabbale, huyền học Do Thái viết: Jehovah là Một, và tên Ngài là Một. (Le Symbolisme des Nombres, tr. 15.)

Nhất thể ấy là Thượng Đế, là Tạo Hóa. (Partout le nombre Un a été rapporté au Ptemier Principe, au Dieu initial, au Créateur Suprême) (Strd. tr. 14)

Như vậy, Một là tất cả, là Căn Nguyên là Cùng Đích muôn loài, là Alpha và Oméga (Le point situé à l'intérieur du Cercle peut donc représenter à la fois la source et le but de toutes choses, le principe et la fin, l' alpha et l'oméga. Strd tr. 17).

- Một như vậy tượng trưng cho cả vũ trụ. Các nhà Luyện Kim Âu Châu gọi nó là Azoth, Vì chữ này gồm chữ đầu là chữ cuối của Mẫu tự Latin, Hi Lạp và Do Thái (Ta thấy chữ Azoth có chữ A chữ Z của mẫu tự LaTin, chữ Omega của mẫu tự Hi Lạp và chữ Th của mẫu tự Do thái. Strd tr. 17).

- Mặt trời xưa cũng được tượng trưng bằng Hình vòng tròn có chấm giữa, (Strd. tr. 17).

Sách cho rằng cái sai lầm của chúng ta là coi sự phân chia hình thức và tương đối như là mâu thuẫn đối kháng tuyệt đối, và quên mất cái Một chân thực ở đằng sau mà vạn hữu qui tụ về. (L'erreur consiste en effet, à prendre la différentiation apparente et relative des choses pour une opposition irréductible et à méconnaître L'Unité véritable en laquelle elles se fondent. Le Symbolisme des Nombres, tr. 31

Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể có thể nói là một thuyết then chốt của nhiều đạo giáo, và của nhiều mật tông, mật giáo trong thiên hạ.

Nó chính là chuỗi liên châu nối liền các đạo giáo với nhau, từ lục địa này sang lục địa khác, từ thời đại này sang thời đại kia. khảo sát học thuyết này cho kỹ lưỡng, ta sẽ thấy hiện rõ lên: **TRUYỀN THỐNG NHẤT QUẢN** của nhân quần từ trước tới nay, và sẽ soi sáng cho chúng ta rất nhiều về vũ trụ về con người, cũng như về thân phận con người, định mệnh con người, ý nghĩa cuộc sống, v.v.

Những nét chính yếu của học thuyết này có thể phác họa được như sau:

Đại khái nó chủ trương:

- Vũ trụ này không phải đã được tạo dựng nên bởi không, mà chính là đã từ **MỘT NGUYÊN LÝ**, từ **MỘT BẢN THỂ DUY NHẤT** sinh hóa, phóng phát ra. Nguyên lý tuyệt đối ấy có muôn nghìn tên gọi: đó là Brahman, là Thượng Đế vô ngã, là Đạo, là Vô, là Hư, là Vô Cực, là Thái Cực, là Chân Như, là Ein-Sof, v.v. Nguyên lý, Bản thể duy nhất ấy đã sinh hóa ra chư thần (théogonie) và vũ trụ (cosmogonie).

- Bản thể ấy, vì sinh hóa ra muôn loài, vì là căn cơ, trực cốt muôn loài nên tiềm ẩn, hàm tàng trong lòng vạn hữu (immanence) chứ không tách rời, chứ không siêu xuất vạn hữu (transdence).

- Vì chủ trương Thượng Đế nội tại, tiềm ẩn ngay trong đáy lòng vạn hữu, vì chủ trương Thượng đế không tách rời khỏi vũ trụ mà chính là toàn thể vũ trụ, nên thuyết Thiên địa vạn vật nhất lý theo từ ngữ Âu Châu, có bộ mặt Phiếm thần (Panteisme).

- Con người vì đồng bản thể với vũ trụ với Thần linh, nên con người có thể trở thành thần linh, nếu biết quay về tâm khảm mà tìm

- Mục đích cũng như ý nghĩa của đời sống nhân quần chính là tìm cho ra Bản thể siêu việt của mình, tu luyện để trở thành thần linh, trở về với **MỘT**, với **CĂN BẢN**, với **BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI, DUY NHẤT**.

Với những nét chính yếu ấy làm kim chỉ nam, chúng ta có thể phiếm du trong các thánh thư, trong các kỳ thư, bí điển của các đạo giáo mà không còn lo lạc đường, nhầm lối.

Thiên khảo luận này sẽ được chia làm hai phần:

PHẦN I – Khảo về thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể trong Bà La Môn giáo và ít nhiều huyền môn kim cổ.

PHẦN II – Khảo về thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể trong Tam giáo (Nho, Thích, Lão) và Cao Đài giáo.



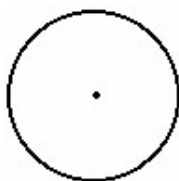
Để dễ theo dõi thiên khảo luận đa dạng này, tôi sẽ trình bày thêm những nét chính của học thuyết này.

Như trên đã nói, vũ trụ này do một bản thể phóng phát, sinh hóa ra. Tuy nhiên có nhiều khía cạnh của vấn đề, chúng ta cần phải nắm vững.

1. Trước hết là khi chưa có Vũ trụ này, thì Bản thể là Nhất nguyên thuần túy (Monisme absolu). Khi ấy, Bản thể được gọi là Vô, là Hư, là Ein-Sof, vì chưa hiển dương thành vũ trụ hữu hình, và được tượng trưng bằng số 1, hoặc bằng số Không. [1]

Khi bắt đầu hiển dương, thì Nhất nguyên thuần túy ấy sinh ra Nhất nguyên lưỡng cực (Unité polarisée), tức là tuy Nhất nguyên nhưng thực ra đã hàm tàng, bao quát cả Âm lẫn Dương, cả hai bề Tinh thần lẫn Vật chất của vũ trụ.

Khi ấy Bản thể được tượng trưng bằng:



* Hình tròn có chấm giữa
(chấm giữa là sinh cơ; hình tròn là vạn hữu).



* Hình Thái cực (gồm cả Âm lẫn Dương).



Androgyne (Á Nam á Nữ)

- Hình tròn có chấm giữa  (chấm giữa là sinh cơ; hình tròn là vạn hữu).

- Hình Thái cực:  (gồm cả Âm lẫn Dương).

- Hình Rebis: (Re < Res = Vật thể; Bis=Lưỡng. Nhất vật lưỡng thể) [2]

Hình người Á nam, Á nữ (Androgyne: Andro = Nam, Gyne = Nữ)

- Số 5 (vì $5 = 2 + 3$)

- Số 15 (vì $15 = 9 + 6$) (3, 9 là dương. 2, 6 là Âm).

2. Bản thể Duy nhất sinh xuất ra vũ trụ bằng cách:

- PHÓNG PHÁT (EMANATION), và

- SINH HÓA (DIVISION), hay PHÂN HÓA.

Phóng phát là phát quang, là tung tỏa chính Bản thể mình ra. Tiếng Anh lẫn tiếng Pháp gọi thể là Emanation.

Phân hóa là tự phân chia dần mãi ra, như: 1 sinh 2; 2 sinh 4; 4 sinh 8; v.v.

3. PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA không thể vô cùng tận. Tới mức độ nào đó, sẽ có sự chuyển hướng, phản phục. Cho nên tiếng theo thời kỳ phóng phát và phân hóa sẽ đến thời kỳ THÂU LIỄM (absorption, résorption, réintégration), hợp nhất (union), đoàn tụ (réunion).

Hai chiều PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA – THÂU LIỄM, HỢP NHẤT hợp thành một vòng biến dịch tuần hoàn để thực hiện một điều kỳ diệu là:

THỦY CHUNG NHƯ NHẤT

ALPHA = OMÉGA

Vòng biến dịch tuần hoàn đó được gọi là:

- Vòng Biến dịch (Nho, Lão)
- Vòng Pháp luân, vòng Duyên nghiệp, vòng Luân hồi (Bàlamôn, Phật).
- Vòng Chu xà Ouroboros (Âu châu)
- Vòng Đại Chu Thiên (Á châu) v.v...

4. Thuyết Vật vật nhất thể trở thành một học thuyết Đạo giáo, nếu ta đem thay chữ Bản thể bằng chữ Thượng Đế, hay Chân Như, Đạo, v.v...

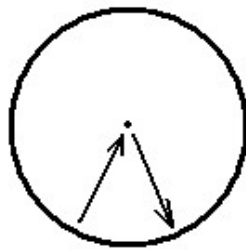
5. Học thuyết Vạn vật nhất thể đưa tới những hệ quả triết học và Đạo giáo sau đây:

- Thuyết Phiếm thần: Thượng Đế là toàn thể vạn hữu (Panthéisme)
- Thuyết Thượng Đế nội tại, hàm tàng trong lòng vạn hữu (Immanence de Dieu).

6. Quan niệm: Vũ trụ này từ một Bản thể phân hóa, phóng phát ra, rồi lại được thu liễm, hợp nhất lại trong Bản thể, vẽ ra một vòng biến dịch trong đó:

- Khởi điểm, căn nguyên là Bản thể.
- Vòng biến dịch sinh hóa có 2 chiều:
 - Chiều sinh hóa, phóng phát, tức là chiều tạo dựng vạn vật, vạn tượng. Đó là chiều vãng, chiều hướng ngoại, chiều sinh trưởng, chiều từ nhất biến vạn, chiều ly tâm, chiều xuôi dòng.
 - Chiều Thu liễm, Hợp nhất, tức là chiều sinh thánh, sinh thần. Đó là chiều lai, chiều phản hồi, chiều hướng nội, chiều qui tâm, hướng tâm, chiều ngược dòng trở về nguồn. Ta thường gọi đó là chiều qui căn phản bản.

Cuối vòng Dịch, tức là chung điểm, ta lại gặp lại Bản thể thuần nhất.



7. Quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng vẽ lại định mệnh con người. Con người tự Trời xuống trần rồi lại từ trần về Trời. Thế gọi là trở về ngôi vị cũ. Như vậy giác ngộ là giác ngộ được căn cơ, gốc gác mình giác ngộ được con đường phải đi của mình để trở về quê hương cũ. Dấu sao thì Đắc Nhất, Liễu Nhất, Phối Thiên vẫn là mục tiêu tối hậu của các thánh thần.

8. Cuối cùng quan niệm phóng phát và qui hoàn cũng được gắn liền với thuyết Luân hồi, tái sinh, luân kiếp (Théorie de la transmigration, de la renaissance, de la métempsychose) với những phụ thuyết như thuyết Hồi ký của Platon (La Réminiscence)...

Học thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể đại cương chỉ có vậy. Tuy nhiên ít khi nó được trình bày một cách toàn vẹn, một cách trực tiếp, mà lại được trình bày nhiều loại nhiều cách, bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau. Dưới đây xin lược qua các phương pháp trình bày, hay các loại từ ngữ cổ nhân đã dùng để trình bày tư tưởng nói trên.

Ví dụ 1: Tư tưởng cần trình bày:

RA. VẠN HỮU, VŨ TRỤ NÀY DO MỘT BẢN THỂ DUY NHẤT PHÓNG PHÁT SINH HÓA

1. Từ ngữ thông thường (langage ordinaire):

- Thiên địa vạn vật nhất thể.
- Nhất sinh vạn.

2. Từ ngữ huyền thoại (langage mythologique):

Prajapati, Purusa, Bành tổ, Ymer, v.v. phân thân thành vũ trụ.

3. Từ ngữ ví von, so sánh (langage métaphorique):

Vũ trụ này đã do một quả trứng nguyên thủy phát sinh. Một phần hai quả thành trời. Một phần hai quả thành đất. Vỏ cứng thành núi. Màng mềm thành mây, thành sương. Gân máu trong trứng thành sông. Chất lỏng trong trứng thành biển cả. (Chand. Up 13,19).

4. Từ ngữ số học (langage numérique): Nhất sinh vạn.

5. Từ ngữ tượng hình (langage symbolique):

Chữ VẠN : Trong đó tâm điểm là Bản thể. Bốn cánh là vạn hữu. Và VẠN cũng là vạn hữu.



- Một mặt trời (Bản thể) tung tỏa ra muôn hào quang (hào quái, vạn hữu).
- Một gốc cây (Bản thể, Thái Cực) sinh ra muôn cành lá (vạn tượng, hào quái) sum xuê. Dịch kinh đã

dùng những phương thức này.

Ví dụ 2: Tư tưởng cần trình bày:

VŨ TRỤ NÀY ĐÃ DO MỘT BẢN THỂ PHÓNG PHÁT, PHÂN HÓA RA.

1. Từ ngữ thông thường:

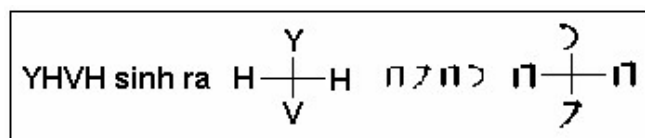
Vũ trụ này đã do một Bản thể phóng phát sinh hóa ra.

2. Từ ngữ triết học (langage philosophique):

Thái cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái.

3. Từ ngữ triết tự (langage littéral):

a. YHVVH



(YHVVH: Yaweh: Thượng Đế)^[3]

b. AUM sinh ra:

. A (Sắc giới, khi ta tỉnh)

. U (Dục giới, khi ta mơ)

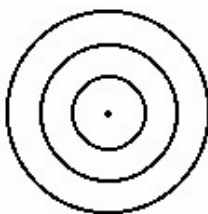
. M (Vô sắc giới, khi ta ngủ say)

(Mundaka Up. I) ^[4]

4. Từ ngữ số học:

$$\begin{array}{r}
 \text{O} \\
 \text{O O} \\
 \text{O O O} \\
 \text{O O O O} \\
 \text{O + OO + OOO + OOOO = 10} \\
 \text{(10 : Vạn hữu)} \\
 \text{YHVVH (Yaweh: Thượng Đế)} \\
 \text{(Pythagore)}
 \end{array}$$

5. Từ ngữ tượng hình (Langage symbolique):



- Tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm.

- Hình tam giác với Thiên nhãn hay bốn chữ YHVVH ở tâm điểm phóng hào quang sinh ra vầng mây vạn hữu biến thiên bên ngoài.

6. Từ ngữ số học loại ma phương (Carré magique):

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Trong đó, số 5 là Thượng Đế. Các số bao quanh là vạn hữu. Cộng các phía đều là 15. Mà 15 là YH. YH là Thượng Đế trong từ ngữ Do Thái v.v... [\[5\]](#)

Trên đây chỉ là ít nhiều ví dụ để gợi ý. Sau này, mỗi khi khảo về một môn phái, ta sẽ đề cập lại kỹ lưỡng hơn.

Những tư tưởng, những phương pháp trình bày trên đây chính là những chìa khóa giúp ta mở được các cửa huyền môn trong thiên hạ, và tìm ra được TRUYỀN THỐNG DUY NHẤT TỰ CỔ CHÍ KIM. Đó cũng là cách thức khoa học để chứng minh: VẠN GIÁO NHẤT LÝ.

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Bác sĩ Hubert Benoît cũng có viết: «Le chaos primordial (...) non au sens de désordre, mais au sens d'énergie cosmique primordiale non encore manifestée dans les dix mille choses. Dans la Genèse, le Chaos n'est pas le mélange désordonnée de la lumière et de l'ombre, de la terre et des eaux, etc... Il désigne la substance primordiale (la Prakriti du Védanta) d'où naissent la lumière et l'ombre, la terre et les eaux etc... (Lâcher prise, 1954, p.191-192). Chaos primordial tức là cái mà Đạo học gọi «Hỗn nguyên khí» của vũ trụ chưa hiện ra trong vạn vật. Dịch học gọi là Thái Cực, Thái Hòa, Thái Huyền, Thái Nhất... Lão gọi là Xung Khí (Le souffle du Vide) tức là cái 'khí của Hư Vô' trong câu «Xung khí dĩ vi hòa». (Nguyễn Duy Cần, Dịch Học Tinh Hoa, tr. 41-42 chú).

[\[2\]](#) Đây là hình Rebis với Âm Dương, ngũ hành, trích trong quyển Oswald Wirth, l'Apprenti, Compiègne 1962, p. 47.

[\[3\]](#) Xem Henri Sérouya, La Kabbale, p. 130

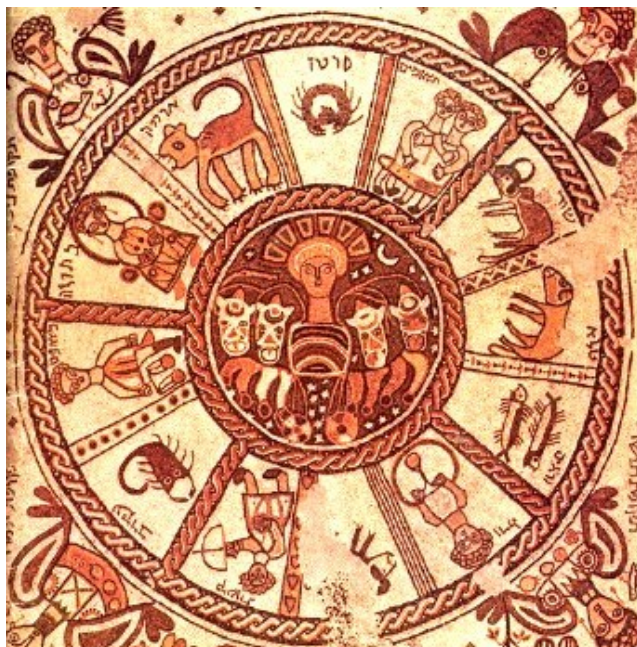
[\[4\]](#) A est la première mesure (matra) correspondant à l'état de veille. U, la seconde, correspondant à l'état de rêve. M, la troisième, correspondant à l'état de sommeil profond.

La quatrième mesure est, elle, sans mesure (a-mâtra). C'est l'état au delà de tous les états que peuvent concevoir l'homme ou dont il peut avoir conscience; nulle description ne peut en être donnée. C'est le turya (le «quatrième») paix, joie, nondualité (Mundaka Up. 9-12-7). «Les trois premières mesures sont Brahman dans sa manifestation. La dernière, dans le silence, c'est Brahman dans son propre mystère.» (Maitre Up. 6,6 và 22, 23).

[\[5\]](#) Henri Sérouya, La Kabbale, p. 154

»» [\[mục lục \]](#) [\[phần A \]](#) [\[phần B \]](#)

»» [mục lục] [phần A] [phần B]



PHẦN A . THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ TRONG BÀ LA MÔN GIÁO VÀ TRONG ÍT NHIỀU HUYỀN MÔN KIM CỔ

I. Bà La Môn giáo với thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể

II. Kabbale với quan niệm vạn vật đồng nhất thể

III. Huyền môn cổ Ai Cập với thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể

- Pharaoh Akhenaten với quan niệm trên
- Hermès Trismégiste với quan niệm trên
- Kỳ thư Kybalion với quan niệm trên

IV. Hội Tam Điểm với thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể

V. Ít nhiều đại triết học và Thông Thiên Học với thuyết trên

- Pythagore
- Plotin
- Các nhà huyền học Hồi giáo (Soufisme)
- Thông Thiên Học

PHẦN A

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ TRONG BÀ LA MÔN GIÁO VÀ TRONG ÍT NHIỀU HUYỀN MÔN KIM CỔ

I. BÀ LA MÔN GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Có thể nói ngay được rằng: Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể là một học thuyết then chốt, làm căn bản cho các thánh thư Ấn độ như Veda, Upanishads, Bhagavad Gita...

Câu hỏi triết học mà các nhà thấu thị Ấn độ luôn luôn đặt ra cho các đệ tử, cũng như cho các độc giả thánh thư là: Vũ trụ này do đâu mà có, đã được cấu tạo nên bằng chất liệu gì?

Con người ai đã sinh xuất từ đâu, đã do đâu mà sống còn, đã chịu sự chỉ huy của ai, v.v. [\[1\]](#)

Và câu trả lời duy nhất, nhưng dưới nhiều hình thức:

- Trực ngôn (Chandogya Up. 6, 14, 3. – Brihad – Aranyaka Up. III, 9. I)
- Ẩn dụ (Aitareya Up. I. – Chandogya Up. 6. 12. I-3. –6, 13. I-3. –6, 2. I-4)
- Huyền thoại (Yajur Veda bạch XXXII, I. – Rig Veda X, 90) chỉ là:

Vũ trụ này cũng như vạn hữu đều do MỘT NGUYÊN LÝ, MỘT BẢN THỂ DUY NHẤT sinh hóa ra, phóng phát ra. [\[2\]](#)

Bản thể duy nhất ấy có rất nhiều danh hiệu:

- Brahman (Brihad – Aranyaka Up. 2.3.6. –3, 9. 26)
- Atman
- Brahmanaspati (Rig Veda 10.72.2)

- Visvakarman (Tạo Hóa – The All Maker) (Rig Veda, 10. 81)
- Purusha (Chân nhân) (Rig Veda 10.90)
- Prajapati (Chúa tể càn khôn) (Lord of creatures)
- Purusha (Chân nhân) (Rig Veda, 10. 90. – Mundaka Up. 2.1.10)
- Hiranyagarbha (Kim đơn – Kim nhân – The Golden Germ) (Rig Veda. 10. 121.I)

Nếu nhân cách hóa Bản thể vũ trụ ấy, và gọi đó là Đấng Tối cao, thì đấng tối cao này đã sinh hóa ra vũ trụ bằng chính thân thể mình... đã hi sinh thân xác mình, đã phân hóa xác thân mình để tạo thành vũ trụ vạn hữu, chứ không phải là đã tạo dựng nên vũ trụ bằng một chất liệu nào ngoài mình. (Rig Veda X, 90)

Xin trích dịch một đoạn Aitareya Up. :

«... Miệng ngài sinh ra tiếng nói và lửa,

Mũi Ngài sinh ra hơi thở và gió,

Mắt Ngài sinh ra cái thấy và mặt trời.

Tai Ngài sinh ra cái nghe và bốn phương trời.

Da Ngài sinh ra tóc, tóc sinh ra cây cối.

Tim Ngài sinh ra tâm tư và mặt trăng,v.v.» [\[3\]](#)

Như vậy mối giây liên lạc giữa Thượng đế và vũ trụ là một mối giây liên lạc cơ hữu (relation organique).

Ví dụ Ngài là con người, thì vạn hữu là thân thể Ngài. (Rig Veda, X, 90)

Ví dụ Ngài là con nhện, thì vạn hữu sẽ là tơ nhện từ mình nhện sinh ra. (Brihad Aranyaka Up. 20.2.1)

Ví dụ Ngài là lửa, thì vạn hữu là những tia lửa, những tàn lửa từ lửa phóng ra. (Brihad Aranyaka Up. 20.2.1) [\[4\]](#)

Vạn hữu với Ngài như nước và muối. Khi muối đã hòa tan trong nước, thì đâu có nước, đấy sẽ có muối. (Chandogya Up. 6, 13, 1-3).

Từ học thuyết trên sinh ra hai dòng tư tưởng:

a. Nhà thấu thị có thể coi Brahman là vũ trụ (Mundaka 2.2.II) (Mandukya Upanishads 2) [\[5\]](#)

«Là lửa, Ngài sưởi ấm,

Ngài là vùng Thái dương,

Ngài là mưa móc đượm nhuần,

Ngài là đất, và vật chất, là Thần,

Ngài là Hữu, Ngài là Vô, Ngài là Hằng cửu.» [\[6\]](#)

... «Ngài là vùng dương trong tinh không,

Ngài là thần Vasu trong không khí, Ngài là gió,

Ngài là đạo sư trước bàn thờ, Ngài là tân khách đến chơi nhà.

Ngài ở trong người, trong không gian, trong định luật thiên nhiên, Ngài ở trên trời. Ngài sinh ra trong nước, trong mục súc, trong định luật thiên nhiên, trong nham thạch. Đấng toàn thiện, đấng tối cao là như

vậy.» [\[7\]](#)

«Brahman, thật ra là bất tử. Brahman ở đằng trước, Brahman ở đằng sau, ở bên trái, ở bên phải; Brahman ở trên, Brahman ở dưới, Brahman thật ra chính là toàn thể thế giới, toàn thể vũ trụ.» (Mundaka 2.2.II) [\[8\]](#)

«Bởi vì thật sự, vạn hữu là Brahman.» (Manukya Up. 2) [\[9\]](#)

...«Ngài nhập vào vạn hữu, ngay cả vào đầu móng tay, y như dao cạo tra vào bao dao, y như lửa nằm trong mỗi lửa.» [\[10\]](#)

b. Nhà thấu thị cũng có thể coi Brahman, Atman là Bản thể, là Cốt lõi, là Trục cốt vạn hữu. [\[11\]](#)

Tìm ra được cốt lõi ấy, Trục cốt ấy, là hiểu được Brahman, hiểu được vạn hữu, hiểu được chính mình. [\[12\]](#)

Đó là chìa khóa mở ra mọi hiểu biết. [\[13\]](#)

Thực tại chỉ là Một. Biến thiên phiền tạp chỉ là hình tướng. [\[14\]](#)

«Trên mặt đất này không có tạp thù, không có biến thiên thực sự. Kẻ nào chỉ nhìn thấy biến thiên cách biệt bên ngoài, kẻ ấy sẽ còn trong vòng sinh tử. Tất cả phải được nhìn thấy trong Nhất thể, trong thực thể, Bản thể duy nhất bất khả tư nghị...» (Brih. 4.4.19-20) [\[15\]](#)

Upanishads tuyên xưng:

«Thực sự nếu nhìn thấy, nghe thấy được, nghĩ ra được, tìm hiểu được Đại Ngã, sẽ hiểu được vũ trụ này.» (Brih. 2.4.5) [\[16\]](#)

«Thực sự, ai mà thấy được sợi giây nhất quán, thấy được Chủ thể nội tại hàm tàng trong vạn hữu, người đó biết Brahman, người đó hiểu biết vũ trụ, hiểu biết thần minh, hiểu biết Veda, hiểu biết tạo vật, hiểu biết Đại Ngã, hiểu biết mọi sự...» (Brih. Up. 3.7.1) [\[17\]](#)

Thấy được Trời lồng trong vạn hữu là đạt tới chân tri, là tìm thấy được Thượng Đế.

«Ai mà thấy được Chúa Trời,
Lồng trong vạn vật, vạn loài thọ sinh,
Trường tồn giữa mọi điều linh,
Trường tồn vĩnh cửu trong mình biến thiên,
Thế là tri giác vẹn tuyền...»

*

«Ai mà thấy được vạn loài,
Ngoài tuy riêng rẽ, trong thời đồng căn,
Lòng trời kết giải đồng tâm,
Từ Trời phóng xuất xa gần miên man,

Thế là tìm thấy Brahman...» [\[18\]](#)

- Biết được Căn bản, biết được chân tướng mình, biết được rằng có Trời trong dạ là điều kiện thiết yếu để trở thành tiên phật, thánh, thần...

«Chân nhân nhỏ tựa ngón tay,
 Lồng trong tâm khảm muôn loài thụ sinh,
 Tâm thần trí lự bao quanh,
 Ai mà biết được trở thành thần tiên...» [19]
 ... «Biết Trời trong dạ ấy ai,
 Thành thần, siêu thoát vòng đời từ sinh.
 Cùm xiềng tháo gỡ sạch sanh,
 Không còn sinh tử, điều linh, thăm sâu.»

Thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể dẫn tới một tuyên ngôn rất vĩ đại về giá trị, về phẩm giá con người:

«Con người chính là Thượng Đế.»
 «Bạn chính là Cái đó.» TAT TVAM ASI. [20]

- Chúng ta sẽ dùng một đoạn Mundaka Up. Để toát lược và kết thúc thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể của Bà La Môn:

«Ngài luôn hiện hữu gần kề,
 Ngự trong tâm khảm chẳng hề xa xôi,
 Làm tâm, làm đích muôn loài,
 Muôn dân muôn thuở chẳng ngoài quyền uy,
 Sinh linh vạn hữu hướng về,
 Ngài là cùng đích mọi bề ước mơ.
 Huyền vi, linh diệu không bờ,
 Trí khôn phàm tục khôn dò, khôn hay.

*

Ngài là Thượng Đế cao vời,
 Siêu linh, bất biến đời đời nhất như.
 Sinh tồn, ngôn ngữ tâm tư,
 Trường sinh, thực tại, như như cũng Ngài... [21]
 Ngài là đích điểm phải coi,
 Phải nhìn, phải ngắm, chớ lơ lửng vàng.
 Thánh thư là cánh cung dương,
 Mũi tên thần trí, ta mang lắp vào.
 Bạn ơi ngắm đích đi nào,
 Dương cung hãy bắn trúng vào Thiên tâm.
 Oum là chính chiếc cung thần,
 Mũi tên là bạn, hồng tâm là Trời.
 Hãy nhìn ngắm đích chớ lơ,

Như tên, bạn phóng vào Trời cho sâu.
 Đấng làm trục cốt hoàn cầu,
 Khí, thần, trời, đất trước sau nương nhờ.
 Bạn ơi đừng có nghi ngờ,
 Đó là Chân Ngã, đó là chính Anh.

*

Nhịp cầu bắc tới trường sinh,
 Những nhời vừa nói bắc thành chẳng sai.
 Quên đi tạp thuyết trên đời,
 Chào mừng bạn đã là người quá giang.
 Từ nay bến giác đã sang,
 Bờ mê nhìn lại mớ màng âm u.

*

Trời là toàn thể, nhất như,
 Trước sau, trên dưới, toàn khu đều Ngài.
 Tả biên, hữu dực chơi vơi,
 Lồng trong vạn hữu, khắp nơi vô cùng...[\[22\]](#)

II. KABBALE VỚI QUAN NIỆM VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Kabbale là huyền môn Do Thái có từ xa xưa. Theo Spinoza, nó tóm thâu tư tưởng của các người Do Thái thời xưa.[\[23\]](#) Huyền môn này có hai bộ sách danh tiếng:

1. Sepher Ietzirah (Livre de la Création: Sách sáng tạo)
 (hay Sépher Yessira, hay Sépher Yetsira)
2. Zohar (Livre de la Splendeur: Sách Quang huy).

Kabbale giải thích căn nguyên, sự hình thành, vòng biến dịch cùng đích vũ trụ và con người bằng: Ein-Sof và mười Sephiroths (thập tính, thập duyên, dix attributs).

Ein-Sof là Hư vô, là Bản thể tuyệt đối của vũ trụ, khi chưa hình hiện hiển dương. Ein-Sof là toàn thể vũ trụ. Ein-Sof tương đương với Vô cực trong kinh Dịch.

Thập duyên phác họa sơ đồ hình thành vũ trụ hữu hình.

1. Kéther (Couronne) là Nguyên lý sáng tạo nên vũ trụ hữu hình, tương đương với danh từ Thái cực.
2. Chocmah, Khí dương (Force mâle, expansive)
3. Binah, Khí âm (Force femelle, astringente)
4. Chesed, Nghĩa (Force bienfaisante, ordonnée)
5. Geburah, Lẽ (Force destructive, guerrière)
6. Tiphered, Tín (Harmonie, équilibre, beauté)

7. Netzach, Nhân (Amour)
8. Hod, Trí (Intelligence objective)
9. Yésod, dục giới (Monde astral du désir)
10. Malkuth, sắc giới (sphère des corps, monde terrestre).

Có thể nói rằng thập duyên tương đương với các quan niệm Thái cực (Kéther), Âm Dương (Binah, Chocmah), Ngũ hành (Chesed, Geburah, Tiphered, Netzach, Hod), Tam tài (Kéther: Thiên; Yesod: Nhân; Malkuth: Địa)^[24] của kinh Dịch.

Kabbale cũng còn dùng Tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm để giải thích về căn do, sự hình thành, biến dịch, và mục phiêu vũ trụ.

Đại khái:

1. Khi chưa có vũ trụ hữu hình (tiên thiên), thì chỉ có Bản thể (Ein-Sof) ở thể tiềm ẩn. Lúc ấy Ein-Sof là toàn thể vũ trụ.

2. Khi thế giới đã hình hiện (hậu thiên), thì Thượng Đế là tâm điểm, là cốt lõi vũ trụ.

Từ trung tâm sáng tạo ấy, phóng phát ra vạn hữu.

Chiều sinh hóa từ vô cùng đến hữu hạn ấy được diễn biến từ một tâm điểm cho đến các vòng tròn bên ngoài. Càng xa tâm càng trở nên chất chường.^[25]

Và các lớp lang hình tướng bên ngoài của vũ trụ y như là những lớp vỏ, lớp áo phủ ngoài Thượng Đế.^[26]

Thời kỳ hoàng kim mai hậu là thời kỳ mà vạn vật qui căn phản bản.^[27]

Khi ấy Thượng Đế sẽ rũ bỏ những lớp áo, lớp vỏ bên ngoài, và sẽ hiện ra vinh quang.^[28]

- Zohar chủ trương Phiếm thần và coi Thượng Đế là vũ trụ, vũ trụ là Thượng Đế.^[29]

- Zohar chủ trương thuyết phóng xuất, sinh hóa ra vũ trụ, không chấp nhận thuyết tạo dựng.^[30]

- Zohar cho rằng: Cơ cấu con người, cơ cấu vũ trụ giống nhau. Hiểu vũ trụ sẽ hiểu con người, hiểu con người sẽ hiểu vũ trụ. Ngắm nhìn suy tư về vũ trụ, con người sẽ «nhận ra rằng tất cả những yếu tố, những chất liệu bên ngoài đều có đủ trong mình, con người toát lược lại vũ trụ, và đấng Duy Nhất, bất khả tư nghị, đấng đã sinh ra vũ trụ và sẽ thu hút vũ trụ về, cũng chính đấng là đấng ngự trị ngay trong lòng con người.»^[31]

PHỤ LỤC

Khảo Kabbale, ta thấy người Do Thái xưa, ngoài cách dùng từ ngữ thông thường, để diễn tả tư tưởng, còn có những cố gắng dùng nhiều phương pháp khác để diễn tả tư tưởng. Trong những phương pháp đó ta thấy họ dùng:

- SỐ
- CHỮ
- HÌNH ẢNH

Khảo kinh Dịch, ta cũng thấy những cố gắng tương đương như vậy.

1. Dùng Số để diễn tả tư tưởng

Để diễn tả tư tưởng Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui Nhất thể, người Do Thái cũng đã dùng số, nhất là dùng 10 con số đầu.

Số 1 tượng trưng cho Bản thể duy nhất, cho Thượng đế, căn nguyên sinh xuất vạn hữu.^[32] Số một như vậy không phải là một con số.

Số 2 mới chính là con số bắt đầu, vì 2 là cơ chế biến hóa, gồm 2 động lực tương đối, sinh khắc.^[33]

Số 1 như vậy là Căn nguyên, là Bản thể, 9 số sau là cung cách biến hóa.^[34] Nói theo từ ngữ hiện tại, thì số 1 là Bản thể, các số khác là phụ tượng (accidents).^[35]

Số 10 đặc biệt có nghĩa là Hòa hợp, là Thái hòa. Như vậy, nó gợi lên ý niệm rằng, đến lúc chung cuộc, vạn vật sẽ trở nên thành toàn, viên mãn, trong một toàn thể Thái hòa.^[36] Số 10 tương ứng với mẫu tự số 10 Yod của tiếng Do Thái, mà Yod là Thượng đế. Như vậy 1 là Thượng Đế, Căn nguyên, Bản thể vũ trụ. 10, là Yod, là Thượng đế viên mãn lúc chung cuộc. Thế là thủy chung như nhất.

Ý nghĩa 10 con số càng trở nên rõ rệt, nếu ta đem so sánh nó với quan niệm dân gian về vũ trụ. Dân gian tin rằng Thượng đế ngự trên chín tầng trời.

2. Dùng chữ để diễn tả quan điểm Nhất thể vạn thù

Do Thái gọi Thượng đế là Yod He Vau He יהוה. Khi chưa sinh thành ra vũ trụ, thì họ viết Yod, H Vau, H nguyên thành một chữ. Khi đã sinh thành ra vũ trụ thì họ chia chữ Yod He Vau He thành ra 4 phần, mỗi phần riêng chiếm một phương trời. Ý nói Thượng Đế là vũ trụ, vũ trụ là phân thân của Thượng Đế.^[37]

Ngoài ra, Yod י còn có nghĩa là Bản thể.

He ה gồm hai phần: I và 1 tượng trưng cho hai động lực âm dương, tương sinh tương khắc nguyên thủy, nguồn sinh hóa ra vạn hữu.

Vau ו là chữ thứ 6. 6 có thể cắt nghĩa là Lục hợp (sáu phương trời).^[38]

3. Dùng hình ảnh để diễn tả tư tưởng Nhất thể vạn thù

Hình ảnh mà Kabbale dùng để diễn tả tư tưởng Nhất thể tán vạn thù, như ta đã thấy, là hình tròn, hay Tâm điểm và nhiều vòng tròn đồng tâm.

Ibn. Erza coi vòng tròn là tượng trưng cho vũ trụ biến dịch tuần hoàn, thủy chung như nhất.^[39]

III. HUYỀN MÔN CỔ AI CẬP VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

❖ PHARAOTH AKHENATEN VỚI QUAN NIỆM THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ



Akhenaten (1575-1358 trước Công Nguyên) là vị Pharaoh duy nhất đem áp dụng thuyết Thiên Địa Vạn Vật nhất thể vào phương cách trị dân.

Ông lấy Biểu Hiệu đĩa tròn màu vàng y, tượng trưng cho Thần mặt Trời (Aten) . Ông chọn vùng dương làm khẩu hiệu, vì vùng dương là một khối Nam Châm vĩ đại, vì đó là một luồng khí lực từ điện bao gồm toàn thể vũ trụ này, là một tâm thức thiêng liêng thấm nhuần tất cả vạn vật (Dấu Chân trên cát, tr. 105), nhờ vùng dương nên muôn loài mới sống. Ông gọi đó là Đấng Chân Lý tuyệt đối điều khiển muôn loài. (Xem Nguyên Phong, Dấu Chân trên cát, tr. 83).

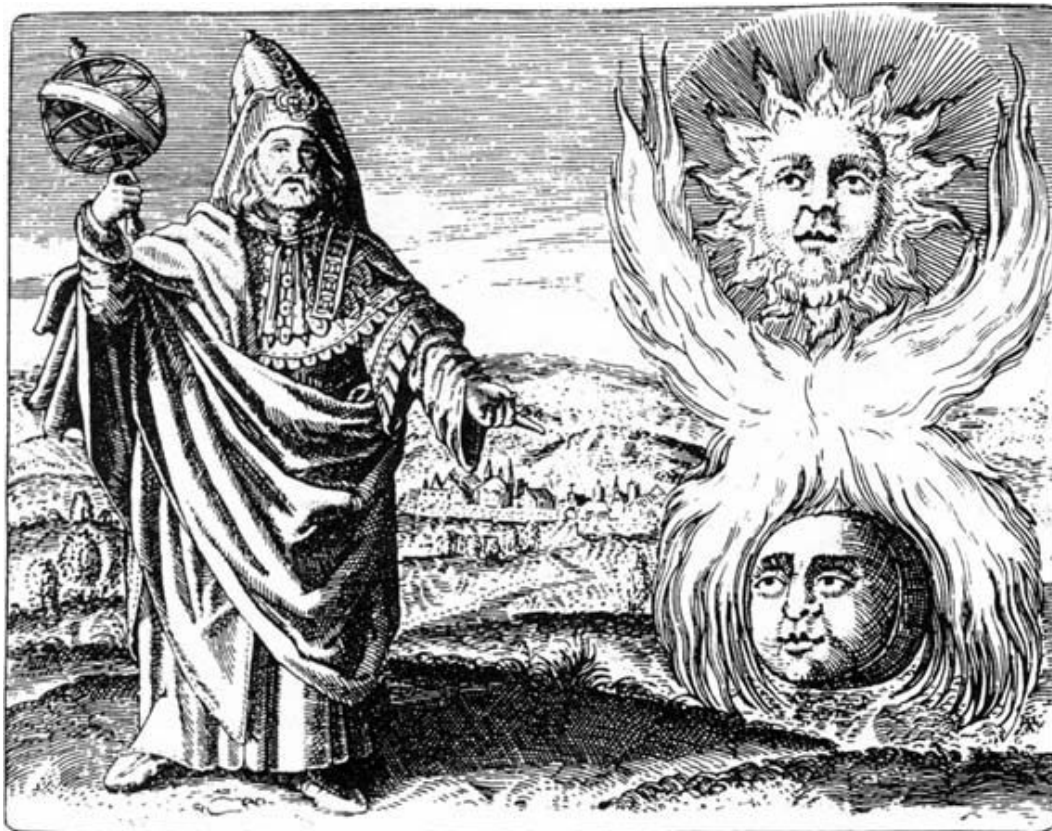
Trước khi lên ngôi vua, Ông đã ẩn cư trong sa mạc nhiều năm để nghiên cứu và tìm về mạch nguồn cổ xưa, và ý thức được rằng vốn có một định luật cao cả điều khiển tất cả mọi sự vật trong trời đất (Sách Trích Dẫn, tr. 85)

Khi lên làm Pharaoh ông nhất định không thờ Đa thần như các Pharaohs trước, không gây chiến tranh với các nước láng giềng như các Pharaoh xưa, cho hết cung tần mỹ nữ về quê quán, mở kho chẩn bần cho dân mỗi khi có hạn hán, không bắt lính tráng, giải ngũ cho nhiều người, giáo dục dân chúng để cho họ biết rõ qui luật vũ trụ, và không làm gì trái với thiên nhiên, và làm việc thuận lòng trời, tránh những sự tranh dành, bóc lột lẫn nhau, cướp đoạt, thù hằn, lợi dụng lẫn nhau, và tránh không bao giờ gây chiến tranh. Tóm lại, Ông muốn thay đổi Ai Cập tận gốc rễ.(Strd. tr. 107, 108, 109) Chỉ muốn cai trị theo tiếng gọi lương tâm. (Strd. t. 112)

Ông cầu thần mặt trời: Hỡi Aten, xin cho con sức mạnh để thực hiện những việc đúng với sứ mạng con, xin cho con hoà nhập với Ngài để cho con có được sự minh triết như Ngài (Strd. tr. 113).

Tiếc thay, Ông chỉ làm Pharaoh được có 17 năm và học thuyết của Ông chỉ mới được biết vào năm 1945, trong cuốn sách The Egyptians của Mika Waltari (1908- 1979).

✿ HERMÈS TRISMÉGISTE VỚI QUAN NIỆM THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ



Hermès là một nhân vật huyền thoại trong cổ đại Ai Cập. Sau này được Ai Cập và Hi Lạp coi là thần minh.

1. Quyển Pimandre

Pimandre là sách ghi những lời mà Tâm Linh đã truyền dạy cho Hermès, khi ông chưa thành đạo. Sách này dạy con người phải chiến thắng thất tình, lục dục.

2. Quyển Asclepios

Sách này ghi chép những lời mà Hermès dạy đệ tử ông là Asclepios. Sách Asclepios dạy con người phải biết căn cơ, cốt cách mình, phải học biết những phương thức để sống phối kết với thần linh.

... Con người giác ngộ sẽ thấy trời ngự trị trong tâm khảm mình, biết rằng mình đã từ một thực thể tuyệt đối, duy nhất phóng phát ra, biết rằng trong mình có một phần chính cái sức thiêng cai quản vũ trụ.

... Con người có bốn phận sống thuận theo Trời, phối kết với Trời, hòa đồng với vạn hữu...

... Đối với người Ai Cập xưa, thì vạn vật, bằng nhiều đường lối khác nhau sẽ đạt tới cùng một mục đích: Trở thành Osiris, trở thành Thần minh... [\[40\]](#)

3. Bản Bích ngọc (La Table d'Emeraude)

Bản Bích ngọc là một Bản văn rất súc tích, nhưng cũng rất tối nghĩa, gồm 12 điều. Xin lược ghi như sau:

(1) Hermès xác tín:

(2) Vũ trụ này được tạo dựng theo một cơ cấu chung. Trên dưới như nhau, để cho thấy điều huyền diệu này là tất cả là một.

(3) Vũ trụ này đều do một Bản thể duy nhất, một Căn nguyên duy nhất sinh xuất ra.

(4) Bản thể ấy sinh xuất vũ trụ với sự phụ bật của thiên nhiên, mặt trời, mặt trăng, gió, đất.

- (5) Nhất thể đó là Nguyên thể, hay Nguyên khí (Thélème).
- (6) Muốn tu luyện, con người phải biết gạn đục khơi trong, phải biết tinh luyện.
- (7) Phải biết lợi dụng cả hai chiều sinh hóa của đất trời, và của cuộc đời.
- (8) Biết đường tu, sẽ đạt tới vinh quang.
- (9) Kết quả là sẽ trở về được với Nguyên thể, với Nguồn sinh lực đã tạo nên vũ trụ.
- (10) Tóm lại vũ trụ này đã được tạo dựng.
- (11) Bằng cách phóng phát và sinh hóa từ một bản thể duy nhất.
- (12) Hiểu được như vậy là hiểu được Trời, đất, người. [\[41\]](#)

❀ KỶ THƯ KYBALION VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Kỷ thư Kybalion cô đọng lại khoa triết học mật truyền (Philosophie hermétique) của Ai Cập và cả của Hi Lạp thời cổ. [\[42\]](#)

Kybalion chủ trương đại khái như sau:

1/ Vũ trụ này đã do một Thực thể duy nhất sinh hóa ra. thực thể ấy là Thần, là Sự Sống, là Trí Huệ. [\[43\]](#)

Căn cơ cốt lõi vũ trụ này là Thần linh. Vũ trụ này chung qui là Thần linh. [\[44\]](#)

Các nhà bình giải Kybalion còn thêm rằng: Khoa Mật giáo thực ra đã không lầm khi chấp nhận nguyên lý cơ bản của Herbert Spencer: «Vũ trụ này đã được sinh hóa ra từ một nguyên khí vô tận, vô cùng, vô thủy, vô chung.» [\[45\]](#)

Từ nguyên lý cơ bản đó Kybalion suy thêm ra rằng:

2/ Trong thế giới tương đối này, tất cả đều có 2 chiều, 2 mặt. [\[46\]](#)

3/ Tất cả đều chuyển dịch, đều rung chuyển. [\[47\]](#)

4/ Tất cả đều tương ứng với nhau. [\[48\]](#)

5/ Tất cả đều có nhịp nhàng, tiết điệu. [\[49\]](#)

6/ Tất cả đều theo định luật nhân quả. [\[50\]](#)

7/ Tất cả đều theo định luật Âm Dương sinh hóa. [\[51\]](#)

Kybalion còn chủ trương:

- Muốn trở thành thần minh, phải biết rung chuyển theo nhịp điệu thần linh. Như vậy, bí quyết thành thần linh là làm sao cho tâm thần rung chuyển theo đúng tần số thần linh. (tức là thuyết đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu Á đông). [\[52\]](#)

- Bí quyết phát triển tâm linh chính cũng là:

- Biết rằng có thần trời ngự trị trong lòng mình.

- Cố gắng thực hiện, biểu dương thần trời nơi mình. [\[53\]](#)

Với những đường nét trên, chúng ta thấy học thuyết cổ Ai Cập cũng nằm trong quỹ đạo của một TRUYỀN THỐNG NHẤT QUÁN.

* Phụ chú về quan điểm của Le Kybalion:

- Le Kybalion cho rằng vòng biến hóa của vũ trụ có hai chiều:

a. Chiều Thoái, hay chiều «Đổ ra» (Effusion). Trong thời kỳ thoái hóa này, các rung chuyển càng ngày càng chậm lại.

b. Chiều Tiến (Evolution), chiều «Rót vào» (Infusion), hay chiều «Trở gót về nhà» (Pas vers la Maison). Trong chiều này, các rung chuyển càng ngày càng trở nên thần tốc.

Lúc chung cuộc, Thượng Đế và vạn hữu trở thành Một. Con người trở thành thần minh.

Thực ra không cứ phải đợi tới chung cuộc, nếu con người biết vươn lên khỏi các bình diện vật chất tâm tư, để nhập thể với tâm linh, để hoạt động bằng tâm linh, hoạt động trên bình diện tâm linh, thì cũng đã trở thành thần minh...[\[54\]](#)

IV. HỘI TAM ĐIỂM (FRANC MACONNERIE) VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Tam Điểm xưa nay được coi như là một Mật tông.

Tam Điểm rất sùng tượng hình, ảnh tượng (symboles) để truyền thụ tư tưởng.[\[55\]](#)

Ta sẽ dùng tượng hình của môn phái này để soi sáng cho chúng ta về thuyết thiên địa vạn vật nhất thể.

Đại Tự Điển Tam Điểm nhận định về thuyết thiên địa vạn vật nhất thể như sau:

«Học thuyết PHÓNG PHÁT là một học thuyết thịnh hành trong nhiều đạo giáo Á đông, nhất là Bà La Môn và Bái Hỏa Giáo (Parsime). Đến sau, huyền môn Kabbale và Viên Giác (Gnostiques) cũng chấp nhận nó, Philon, Platon cũng giảng dạy nó.

Học thuyết này chủ trương: Vạn vật từ Tuyệt đối thể phóng phát ra, từ Tuyệt đối thể thoái hóa dần mãi xuống. Vậy nên, trong Bà La Môn giáo, Hồn vũ trụ, nguồn mạch huyền diệu của muôn sinh linh được đồng hóa với Brahma, với Thượng Đế.

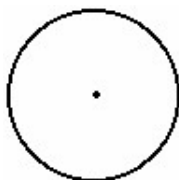
Môn phái Viên Giác (Gnostiques) cũng cho rằng vạn hữu sinh xuất từ Thực thể Thần linh. Vạn vật sinh hóa từ cao đến thấp, và sự cứu rỗi lúc chung cuộc, là sự vạn hữu trở về với thanh tịnh của Tạo Hóa.

Philon dạy rằng Tuyệt đối thể hay khối Linh quang nguyên thủy đã tung tỏa quang huy để soi sáng cho mọi tâm hồn, và như vậy vạn hữu đều chung một nguồn gốc.

Thuyết phóng phát rất được Tam Điểm lưu tâm chú trọng, vì các cấp cao trong Tam Điểm thường đề cập tới các học thuyết cả Kabbale của Philon và cả huyền môn Viên Giác...».

1. Quan niệm THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ được tượng trưng bằng TÂM ĐIỂM VÀ VÒNG TRÒN.

Tâm điểm là Nhất thể, là Nguyên nhân. Vòng tròn là Vạn thù, là Hệ quả.[\[56\]](#)



Hình Con Chu Xà OUROBOROS, trong vòng có viết 3 chữ EN TO PAN entopan có nghĩa là NHẤT VẠN. Hình con chu xà (rắn cắn đuôi) tượng trưng cho lẽ biến dịch tuần hoàn chung nhi phục thủy, và cũng tượng trưng cho vĩnh cửu...[\[57\]](#)



2. Quan niệm NGUYÊN THỂ PHÓNG PHÁT RA VẠN HỮU được tượng trưng bằng:

Ngôi sao sáu cánh do hai hình tam giác đan nhau hợp thành. Trong lòng ngôi sao có 4 chữ (tức là Thượng Đế) viết bằng mẫu tự Enoch. Hai hình tam giác đan nhau tượng trưng cho hai lực Âm Dương.^[58]

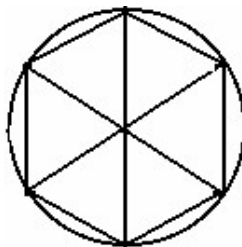


Hoặc bằng đồ hình: Hình Tam giác với Thiên Nhân hay với chữ YHWH (Thượng Đế) ở trung tâm tung tỏa hào quang. Bên ngoài là một vòng mây tròn bao quanh.

Thiên Nhân hay YHWH là Thượng Đế ở Tâm điểm. Hình Tam giác là khí Dương, phóng phát, tạo dựng. Các tia hào quang chỉ sự phóng phát. Vòng mây tròn bên ngoài, chỉ vạn hữu với định luật tuần hoàn.^[59]



Hoặc bằng: Hình tròn có 6 chấm cách đều nhau, tạo thành lục giác đều, với 6 tam giác đều chung đỉnh là tâm hình tròn. Nó cũng giống như hình vẽ Tâm Điểm và Vòng Tròn, và cũng nói lên ý nghĩa Nhất thể biến vạn thù như vậy.^[60]



3. Quan niệm nhất thể phân hóa thành vũ trụ của Tam Điểm cũng giống Kinh Dịch.

* LŨỞNG NGHI của Dịch kinh được tượng trưng:

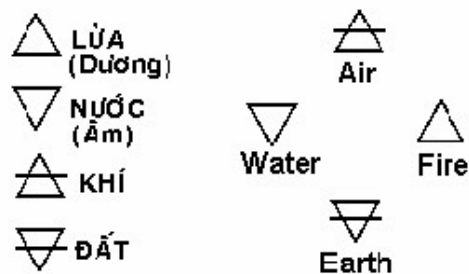
- Hoặc bằng 2 cột: ÂM: B (BOOZ); DƯƠNG: J (JAKIN) trong đền thờ Jérusalem như Salomon đại đế đã xây.

- Hoặc bằng 2 hình tam giác giao thoa: Y

Tam giác hướng thượng D là LỬA (Dương). Tam giác hướng hạ Ñ là NƯỚC (Âm).

Hai hình Tam giác này thường giao thoa, thường gắn bó lấy nhau. Ý nói: «Âm Dương tương thôi nhi sinh biến hóa.» 陰陽相推而生變化; hoặc: «Cô Dương bất sinh, Cô Âm bất trưởng» 孤陽不生, 孤陰不長 như Dịch kinh đã chủ trương.^[61]

* TỨ TƯỢNG của Dịch kinh được Tam Điểm tượng trưng bằng hình vẽ sau:



4. Quan niệm Thượng Đế ngự trị trong con người, và người giác ngộ phải biểu dương, phóng phát Thượng Đế ra bên ngoài được tượng trưng bằng:

- Hình Ngôi sao 5 cánh tung tỏa hào quang với chữ G hoa ở tâm điểm.



G là GOD, là Thượng Đế. Ngôi sao 5 cánh là tượng trưng con người.[\[62\]](#)

Như vậy ta thấy những đồ hình Tam Điểm cũng đã giúp ta hiểu được rất nhiều về các quan điểm chính yếu của người xưa. Thật đúng là bất ngôn nhi giáo 不言而教 vậy.

V. ÍT NHIỀU ĐẠI TRIẾT GIA VÀ THÔNG THIÊN HỌC VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

* PYTHAGORE

Pythagore (569-470 tcn) cũng chủ trương vạn vật đã do một Căn cơ Duy Nhất sinh hóa ra.[\[63\]](#)

Ông tin có Thượng Đế nhưng lại tin rằng Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng vạn hữu.[\[64\]](#) Ông tin có luân hồi, chuyển kiếp.[\[65\]](#)

Ông tin rằng con người có thể tu luyện để trở thành thần minh.[\[66\]](#)

* PLOTIN (Khoảng 204-70 tcn)

Đối với Plotin và môn đệ, cũng như đối với các người theo huyền môn Kabbale, Thượng Đế là Nguyên Nhân Nội Tại và là Căn Cơ sinh xuất vạn hữu. Vạn hữu đều ở trong Ngài, đều sinh xuất từ Ngài, và trở về với Ngài. Thượng Đế là khởi nguyên và là chung điểm vạn hữu Ngài ở khắp nơi, vì vạn hữu đều ở trong Ngài, và do Ngài mà sinh. Ngài chẳng có ở đâu, vì Ngài chẳng bị hạn chế trong một vật nào nhất định, và vạn hữu cũng không đủ để chứa nổi Ngài... Gọi Ngài là NHẤT, chỉ là gượng ép, vì không có từ ngữ nào thỏa đáng để mô tả bản thể Ngài. Ngài là Đấng Bất khả tư nghị...[\[67\]](#)

Con người từ cõi thiêng liêng giáng trần, nên nhờ công phu tu luyện có thể kết hợp được với Đấng Duy Nhất Tuyệt đối.[\[68\]](#)

* NHỮNG NHÀ HUYỀN MÔN HỌC HỒI GIÁO (MÔN PHÁI SOUFISME) VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA

VẠN VẬT NHẤT THỂ

Môn phái huyền học Soufisme của Hồi giáo cũng chủ trương Thiên Địa vạn vật nhất thể. Có người cho rằng tư tưởng trên có thể tìm thấy trong vài đoạn thánh kinh Coran, nhưng thực ra đã vay mượn ở những trào lưu ngoài đạo Hồi, như huyền học Thiên Chúa giáo, môn phái Néo-Platonisme, Denys l'Aréopagyte, môn phái Viên giác, môn phái Mandéisme, Manichéisme, v.v...

Họ tin rằng con người có thể tiến tới thần minh, tu luyện thành thần minh và sống kết hợp với đấng Tối cao, sống hòa mình với Đại thể vũ trụ. Quan niệm này cũng tương đương với quan niệm nhập Niết Bàn của Phật giáo, hay hòa mình vào Brahman của Ấn giáo.^[69]

* THÔNG THIÊN HỌC VỚI QUAN NIỆM THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Quan niệm Thiên địa vạn vật đồng nhất thể là quan niệm then chốt của Thông Thiên Học.

Bà Blavatsky xác tín rằng: vũ trụ này đã được sinh xuất từ một Nguyên lý vĩnh cửu, phổ quát. Hết vòng biến dịch, sinh hóa, vạn hữu là nhập thể vào căn cơ, vào nguyên thể.^[70]

Và như vậy đối với bà Blavatsky và Thông Thiên Học, Thượng đế phải tiềm ẩn trong lòng vạn hữu, trong lòng của mỗi nguyên tử của thể giới vô hình và hữu tướng, vì Ngài chính là nguồn sinh lực, nguồn sinh hóa vô biên, vô tận của vạn hữu.^[71]

Thông Thiên Học chủ trương thêm rằng vì vạn hữu sinh xuất từ một nguồn nên vạn hữu có liên lạc mật thiết với nhau, và muốn tìm hiểu về con người, không bao giờ được tách rời nó ra khỏi Đại thể vũ trụ.^[72]

Chính vì thế mà toàn thể nhân loại đều là anh em với nhau.^[73]

Vì chủ trương Thượng Đế ở khắp nơi, Thông Thiên học đã tự xếp mình vào hàng ngũ chủ trương phiếm thần (Panthéisme). Và cho rằng quan niệm Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng vạn hữu đã được các môn phái huyền học từ Đông sang Tây chấp nhận.^[74]

Thông Thiên Học chú tâm đi tìm Thượng đế tiềm ẩn trong lòng con người, và cho đó là một quan niệm đạo giáo đứng đắn nhất...

Sau hết Thông Thiên Học chủ trương rằng con người sẽ trở thành thần minh, trở thành Thượng Đế.

Chân nhân chính là Thượng Đế khi đã thức giấc.^[75]

CHÚ THÍCH

^[1] Svetasvatara Up. I-I. Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử triết học Đông phương, quyển 3, tr. 38 với lời trích dẫn kinh Rig Veda.

^[2] «In a seemingly childlike manner, like the early Greek cosmologists, they advanced now one thing and now another as an image of the primary material out of which the whole world is made. Yet again like the early Greek philosophers and also with the subtlety of genuine philosophic insight, they were always aware of the underlying unity of all being. Out of this penetrating intuition those early Indian thinkers elaborated a system of intelligent monism which has been accepted as most illuminating and inherently true by their descendants throughout the centuries, If there is any one intellectual tenet which, explicitly or implicitly, is held by the people of India, furnishing a fundamental presupposition of all their thinking, it is the doctrine of universal immanence of an intelligent monism.»

The Thirteen principal Upanishads translated from the Sanskrit, by Robert Ernest Hume, Geoffrey Cumberlege Oxford University Press, 1951, p. 1,2.

... «As all the spokes are held together in the hug and felly of a wheel, just so in this Soul all things, all gods, all worlds, all breathing things, all selves are held together.» (Brihad Aranyaka Up. World is identical with Atman). «Atman alone is the whole world.» (Chan. 7.25.2). (Ibid., p. 21).

[3] Aitareya Up. 1.4

[4] As the spider might come out with his thread, as small sparks come forth from the fire, even so from this Soul come forth all vital energies (prana), all world, all gods, all beings. ... (Brihad Aranyaka Up. 2.1.20).

Những chuyện thần thoại của Bà La Môn về sự Prajapati, hay Purusa phân thân thành vũ trụ đã được trình bày trong:

- Rig Veda X, 90; Yajurveda (VS, XXXI, XXXII (vài câu); Atharvaveda XIX, 6, và X, 2; Taittiriya Up. 1, 5.1. – 1,6.1.- Aitareya Up. 1.1-5. Huyền thoại Prajapati, hay Purusa phân thân thành vũ trụ giống huyền thoại Bành Tổ ở Trung Hoa, Gaya maretan ở Iran, Ymier ở các nước Bắc Âu (Phần Lan-Thụy Điển) và đã được Linh mục Hoàng Sỹ Quý trình bày trong Annales du musée guimet 4-9-69 (PUF) dưới nhan đề: Le mythe Indien de l'homme cosmique, tr. 133-154.

[5] a. Brahma, indeed, is this immortal. Brahma before, - Brahma behind, to right and to left. – Stretched forth below and above, - Brahma indeed is this whole world, this widest extent. (Mundaka Up. 2.2. II)

b. For truly, everything here is Brahman. (Mandukya Up. 2)

[6] As fire (Agni), he warms. He is the sun (Surya). – He is the bountiful rain (Parjanya). – He is the wind (Vayu). – He is the earth, matter (rayi), God (deva). – Being (sat) and non Being (asat), and what is immortal. Prasna Up. 2,5.

[7] «The swan (i. e. the sun) in the clear, the Vasu in the atmosphere, the priest by the altar, the guest in the house. In man, in broad space, in the right (rta), in the sky, Born in water, born in cattle, born in the right, born in rock, is the Right, the Great. (Katha 5.2)

[8] Mundaka Up. 2.2.II (Xem I) a. trên.

[9] For truly, everything here is Brahma. (Mand. 2) Om is Brahma. Om is the whole World. Taittiriya Up. 1.8.1.

[10] He entered in here, even to the fingernail-tip, as a razor in a razorcase, or fire in a fire holder (i.e. the fire-wood) (Brih. 1.4.7).

... So, cleaving asunder this very hair-part, by that door he entered. This is the door named the cleft. That is the delighting. (Aitareya Up. 3.12)

[11] He is your soul, which is in all things...

Explain to me him who is just the Brahma present and not beyond our ken, him who is the Soul in all things. (Brih. Up. 3.4.2)

... He is your Soul the Inner Controller, the Immortal. Brih. 3,7,7.

Xin đọc cả tiết 7, chương 3 Brih. Up.

- Chand. Up. 6, 13, 3. - 6, 12, 3. – Katha 5. 10

- The Thirteen Upanishads, The Philosophy of the Up., p. 27.

[12] Brih. Up. 3.7.1.

[13] He is the key to all knowledge. (Ibid., p. 30)

[14] Reality is One. Diversity and manifoldness are only an appearance. (Ibid., p. 36)

[15] «There is on earth no diversity.

He gets death after death,

Who perceives here seeming diversity.

As a unity only is It to be looked upon.

This indemonstrable enduring Being.» (Brih. 4.4.19-20)

[16] So, verily, with the seeing of, the hearkening to, with the thinking of, and with the understanding of the Soul, this world-all is known. (Brih. Up. 2.5.5)

[17] Verily, Kapya, he who knows that thread and the so-called Inner Controller he knows the worlds, he knows the gods, he knows the Vedas, he knows created things, he knows the Soul, he knows everything. (Brih. Up. 3.7.1)

[18] Who sees his Lord

Within every creature

Deathlessly dwelling

Amidst the mortal

That man sees truly

Who sees the separate

Lives of all creatures

United in Brahman

Brought forth from Brahman,

Himself finds Brahman.

- Bhagavad Gita, Translated by Swami Prabhavananda, and Christopher Isherwood. p.104-105.

- Nancy Wilson Ross, Three Ways of Asian Wisdom, A Clarion Book, Published by Simon and Schuster, New York, 1969, p.12.

[19] A person of the measure of a thumb is the Inner Soul (Antaratman)

Ever seated in the heart of creatures.

He is framed by the heart, by the thought, by the mind.

They who know that become immortal.

(Svetasvatara Up. 3.13)

By knowing, that is therein, Brahma-knowers become merged in Brahma, intent thereon, liberated from the womb (i.e. from rebirth) (Svet. 1.7)

By knowing God there is a falling of all fetters, With distress destroyed, there is cessation of birth and death (Svet. 1.11)

[20] Verily that great, unborn Soul, undecaying, undying, immortal, fearless, is Brahma. Verily, Brahma is fearless. He who knows this becomes the fearless Brahma. (Brih. Up. 4.4.25)

- He is your Soul, the Inner Controller, the Immortal. (Brih. 3.7)

- Caché sous la coupe d'or est le Réel,

Ô Poushan découvre-le pour moi, le dédié au Réel, que je voie!

Ô soleil, étends et ramène à la fois tes rayons,

Que je contemple cette Gloire qui est tienne, de toi la forme la plus belle,

Oh! Celui qui est là, là-haut en toi, celui-même ...

Oh! Mais c'est moi! (Isha Up. 15,16)

- Tat tvam Asi (Chand. Up. 6,9,4.- 6.10.3.- 6.12.3.- 6.13.3.- 6.14.3.- 6.15.3.- 6.16.3.- 6.8.5)

[21] Il se tient manifeste, tout proche,

l'habitant de la crypte, le Grand But,

centre de tout;

sur lui sont fixés tous les mondes,

tous les habitants des mondes,

tout ce qui se meut, tout ce qui cligne, tout ce qui respire.

Il est resplendissant, l'objet de tout désir,

Plus menu que l'atome,

Au delà de toute atteinte du savoir ...

[22] Cela c'est le Brahman, le Suprême, l'Immuable.

La vie c'est Lui; la Parole, c'est Lui; l'esprit c'est Lui;

Le Réel c'est Lui; l'immortalité c'est Lui.

C'est Lui la cible qu'il faut viser,

Ami, vise droit au but.

Prends entre les mains l'arc splendide des oupanichads

sur lui place flèche

aiguillée dans la méditation.

De ton esprit tendu vers l'unité, bande ton arc.

Ami, vise ce but. C'est Lui, l'Immuable.

Om, le pranava, voilà ton arc,

La flèche, c'est le Soi,

C'est toi-même

La cible c'est Brahman.

Vise-la sans te laisser distraire.

Fixe toi-là toi-même, comme la flèche en sa cible.

Celui sur qui tout ce monde est fixé,

Cieux comme terre, souffle comme esprit,

sache que c'est cela même l'unique soi: c'est toi.

Tous autres mots, laisse-les aller,

Le pont qui mène à la non-mort, c'est celà.

Salut à toi qui passe à l'autre rive,

Au-delà de la ténèbre ...

Brahman en vérité, c'est tout celà, c'est tout.

Devant, Brahman! Derrière, Brahman!

à droite, Brahman! à gauche, Brahman!

au dessus, Brahman! au dessous, Brahman!

Brahman seul en vérité!

en tout et partout!

Mundaka Up. 2.2. 2-5.- 2.2.11.

(cité par Henri Le Saud, La Rencontre de l'Hindouisme et du Christianisme, Aux Editions du Seuil, Paris, p.136-137)

[23] J'ose même ajouter que telle fut la pensée de tous les anciens Hébreux... (Spinoza. Lettre 73)

[24] Xin xem Gabriel Trarieux d'Egmont, Le Thyse et la Croix, Adyar, Paris, 1947, tr. 159.

Kéther được coi là tương đương với Le Logos de Platon, Le Verbe de Saint Jean. Còn gọi là Mặt Trời thiêng liêng nơi trung điểm (Soleil Spirituel Central) (Ib. 159, note 3.)

[25] De la sorte, le développement de l'infini vers le fini porte en soi des dégradations de parfait vers l'imparfait. La perfection diminue en raison de la distance qui sépare le point d'arrivée du foyer primordial. L'être de caractère multiple, est ainsi nécessairement inférieur à l'un. Plus l'être, en voie d'évolution, tend à s'éloigner, plus il est susceptible de se condenser et de se matérialiser. En ce sens, le développement des choses se fait du centre à la périphérie, et par suite, aux orders successifs; ces orders s'échelonnent comme des cercles concentrique. Chaque ordre, est à la fois «l'enveloppe, l'écorce la matière de l'ordre qui lui est immédiatement supérieur, et l'esprit pour l'ordre qui lui est immédiatement indérieur... Ainsi pour les mystiques juifs, Dieu est considéré comme le centre. Le développement des Séphiroths et de leur action implique des cercles concentriques... (Henri Sérouty, La Kabbale, Grasset, Paris, 1947, p. 271)

[26] Xem chú 3 trang 12

[27] L'ère messianique, espérance juive, devient ainsi une espérance métaphysique; par elle «toute chose rentrera dans sa racine, comme elle en est sortie.» (Ib. p.227)

[28] Un jour, le Saint dépouillera ses écorces et ne réapparaîtra que sous l'aspect d'un noyau substantiel. (Ib. p.273)

Xin tham khảo thêm:

- Ad. Franck, La Kabbale ou Philosophie religieuse des Hébreux, Paris, Librairie de L. Hachette, 1843.
- Gabriel Trarieux d'Egmont, Le Thyrses et la Croix, Adyar, Paris, 1947.

[29] En d'autres termes, si l'on déclare que l'univers est Dieu, ou que Dieu est l'univers, on dit la même chose. Cette totalité qui se manifeste dans l'unité suprême de Dieu, est hors de doute dans les expressions nuancées et symboliques du Zohar, dont nous venons de citer quelques exemples frappants. Le Ein-Sof n'est autre chose que cette totalité, cette unité suprême, qui embrasse les dix Sephiroths. «Le En-Sof, dit en effet le Zohar, est revêtu et enveloppé des Séphiroths comme le charbon de la flamme». Ailleurs après avoir rapporté le rayonnement de la lumière primordiale en dix lumières, il ajoute: «Nobobstant, tout est un». (Henri Sérouya, La Kabbale, p. 226).

[30] La création de l'univers est un fait de pure émanation. L'univers dans la multiplicité de ses éléments est inhérent à l'essence de l'En-Sof, précisément comme la potentialité de la flamme procède du charbon. (Ib. p. 159)

Azriel, il n'est qu'un fait d'émanation, lequel s'effectue par degrés successifs, le monde intellectuel devenant peu à peu le monde matériel. (Ib. p.159)

... Dieu dans son Commentaire (c'est à dire de Saadya) du Sépher Yessira, est dans l'univers ce que la vie est dans l'être vivant. Il est à la fois dans chaque partie et dans chaque tout. Autrement dit, il est partout. (Ib. p.139)

[31] «Ce qui est haut est en bas». Chaque homme est l'expression minuscule de son Prototype céleste, du vaste Adam Kadmon, l'Univers...

... Car c'est en regardant en lui-même que l'homme finit par comprendre le grandiose et indéchiffrable spectacle qu'il contemple en ouvrant les yeux: la terre, les montagnes, la mer, ou les feux de la nuit étoilée. Il finit par se rendre compte que tous ces éléments sont en lui, qu'il est, en abrégé, l'univers, et l'être impensable et unique, seule Réalité éternelle, de qui cet Univers émana, dans laquelle il sera résorbé, habite en son sein, Lui aussi, est l'Hôte de sa chair périssable.

(Le Thyrses et la Croix, p. 161)

Để chứng minh rằng Tuyệt đối ở ngay trong con người, đoạn trên có chú thích như sau: Ce que le Bouddha s'exprima en ces termes: «En vous est le non né, non causé, non créé, non formé.» C'est la base de toute sa doctrine. (La Parole de Bouddha, par Nyanatiloka, traduction La Fuente). C'est aussi de l'idéalisme absolu de Fichte, de Schelling, et Hegel.

[32] Le nombre 1 qui est le principe de tous les nombres, n'est pas lui-même un nombre. C'est le nombre 2, qui est véritablement le premier nombre.

Sérouya chú thêm như sau:

Pour le pythagoricisme aussi le nombre positif ne commence qu'à partir de 2 ... Le nombre 1 qui contient les deux éléments des nombres, l'impair et le pair, est à la base de tous les nombres, il en est la racine, mais lui-même, n'est pas un nombre, car tout nombre implique une pluralité d'unités. Cf. Aristote, Métaphysique, I, ch. V...

Anaximène dit que Dieu est l'Un, non en tant que commencement des nombres, qui est susceptible de devenir multiple. De même que Plotin admet que le premier, appelé Un, est sans multiple sans rien d'identique au dehors et sans différenciation en soi. La même idée se trouve chez Bahya dans sa considération théologique de l'unité véritable; puis chez Ibn Zadik et comme nous avons déjà vu précédemment chez Ibn Gabriel dans sa Couronne Royale: «Tu est Un, mais non l'un tombant dans la loi des nombres.» L'idée passera ainsi dans la Kabbale ... (Sérouya, La Kabbale, p.152 và chú thích 3.)

[33] Đọc đầu chú thích 1 ở trang trước.

[34] Mais 10 est aussi le nombre des catégories, dont neuf accidents et une substance. (Ibid., p.153.)

[35] Xem chú thích 2.

[36] La décade renferme en elle toutes les unités simple. Pour illustrer le Yod (10^e lettre), Ibn Erza tire sa racine de todath qui signifie selon lui cœur, union, harmonie. Car dix (La tetras pythagoricienne).

[37] Xem Henri Sérouya, La Kabbale, p. 130.

[38] Le Yod, première lettre du tétragramme représente la substance avant toute différenciation ...

Le Hé, composé de deux parties distinctes, indique les deux contraires, essence et forme, substance et accident ...

Le Vau qui a valeur mathématique $2 \times 6 = 12$ est la 6^e lettre de l'alphabet hébraïque. En ce sens, le tétragramme Yod, Hé, Vau, (Hé) est composé de trois lettres différentes, qui marquent les trois dimensions des corps: la longueur, la largeur, la hauteur ou la profondeur. Le Vau avec sa valeur numérique six, marque les six forces des corps que nous rencontrons dans le Sefer Yessira. (Ibid., p.152)

[39] En ce qui concerne le symbolisme, Ibn Erza considère le cercle comme l'emblème de la nature, qui revient sans cesse sur elle-même. Elle rattache «ses commencements à ses fins et enveloppe en son sein par une suite infinie de figures finies.» (Ibid., p.152)

[40] En attendant, l'initié trouve Dieu en soi-même. Il sait qu'il est émané de cette Unité absolue, qu'il porte en soi une parcelle de cette force qui régit les mondes. Il sait que son devoir est de se rendre le plus possible conforme à ce Dieu qui doit l'accueillir et s'unir par avance à lui, avec tous les êtres dont la palpitation commune est comme un vaste cœur tout plein de sa présence... Pour l'égyptien, tous les êtres, par divers chemins, tendent vers un même but: devenir Osiris, c'est-à-dire un Dieu, une parcelle consciente et divine du Tout divin.

Henri Durville, La Science secrète, p.179.

[41] Nguyễn văn Table d'Emeraude:

(1) Il est vrai, sans mensonge, très véritable.

(2) Ce qui est en bas est comme ce qui en haut, ce qui est en haut est comme ce qui est en bas pour faire des miracles d'une seule chose.

(3) Et comme toutes choses ont été et sont venues d'Un, ainsi toutes choses sont nées dans cette chose unique par adaptation.

(4) Le soleil en est le père, la lune en est la mère, le vent l'a porté dans son ventre, la terre est sa nourrice.

(5) Le père de Tout, le Thélème est ici. Sa force est entière si elle est convertie en Terre.

(6) Tu sépareras la Terre du Feu, le subtil de l'épais, doucement avec grande industrie.

(7) Il monte de la Terre au Ciel et derechef, il descend en terre et il reçoit la force des choses supérieures et inférieures.

(8) Tu auras par ce moyen toute la gloire du monde et toute obscurité s'éloignera de toi. (Marianne Verneuil, Dictionnaire pratique des Sciences Occulte Les Documents d'art Monaco, 1950, tr. 383.)

(9) C'est la force forte de toute force, car elle vaincra toute chose subtile et pénétra toute chose solide.

(10) Ainsi le monde a été créé.

(11) De ceci seront et sortiront d'innombrables adaptations desquelles le moyen est ici.

(12) C'est pourquoi j'ai été appelé Hermès Trimégiste ayant les trois parties de la philosophie du Monde. (Marianne Verneuil, Dictionnaire pratique des Sciences occultes p.383. Nơi tr.384 có lời bình của Allendy về Table d'Emeraude rất hay.)

[42] Le Kybalion đã được Henri Durville ấn hành năm 1917. Nguyễn Duy Cần đã trình bày sách, và đã được ghi 7 nguyên tắc trên trong quyển Dịch Học tinh hoa của Ông, trong phần phụ chú từ tr. 228 đến 233.

[43] Derrière l'Univers du temps et de l'Espace se cache toujours la Réalité Substantielle, la Vérité Fondamentale. (Le Kybalion, p.43). L'Univers est Mental, il est contenu dans l'âme du Tout (Ibid., p.51)

[44] Le Tout est Esprit, l'Univers est Mental (Ibid., p.26).

[45] La Doctrine Hermétique ne fait pas fausse route en acceptant le principe fondamental d'Herbert Spencer qui affirme l'existence d'une «Energie Infinie et Eternelle, d'où dérivent toutes choses». (Ibid., p.65).

[46] Tout est double, toute chose possède des poles; tout a deux extrêmes; semblable et dissemblable ont la même signification; les pôles opposés ont une nature identique mais des degrés différents; les extrêmes se touchent; toutes les vérités ne sont que des demi-vérités; tous les paradoxes peuvent être conciliés». (Ibid., p.101).

[47] Rien ne repose, tout remue, tout vibre (Ibid., p.28).

[48] Tout s'écoule au dedans et au dehors; toute chose a sa durée, tout évolue puis dégénère, le balancement du pendule se manifeste dans tout; la mesure de son oscillation à droite est semblable à la mesure de son oscillation à gauche; le rythme est constant. (Ibid., p.31).

[49] Ce qui est en haut est comme ce qui est en bas; ce qui est en bas est comme ce qui est en haut. (Ibid., p.27).

[50] Toute Cause a son Effet; tout Effet a sa cause, tout arrive conformément à la Loi; la Chance n'est qu'un nom donné à la Loi méconnue; il y a nombreux plans de causalité, mais n'échappe à la Loi. (Ibid., p. 33).

[51] Il y a un genre en toutes chses; tout a ses Principes Masculin et Féminin; le Genre se manifeste sur tous les plans. (Ibid., p.34).

[52] Pour changer votre état d'esprit ou vos états mentaux modifiez votre vibration. (Ibid., p.142).

... Les hermétistes enseignent que si la rapidité des vibrations était encore augmentée, l'object atteindrait les degrés divers de la manifestation, puis il manifesterait les différents stades mentaux; ensuite il poursuivrait sa route vers l'Esprit jusqu'à ce qu'il finisse par réintégrer le Tout qui est l'Esprit absolu. (Ib.97).

[53] Plus l'homme comprendra l'existence de l'Esprit Intime immanent à l'intérieur de son être, plus haut et plus rapidement il s'élèvera dans l'échelle spirituelle de la vie. C'est cela que signifie le développement spirituel, la reconnaissance, la réalisation et la manifestation de l'Esprit à l'intérieur de nous-même. Efforcez-vous de vous rappeler cette dernière définition, celle du développement spirituel. Elle contient la Vérité de la Vraie Religion. (Ibid., p. 72).

[54] La Doctrine hermétique concernant le processus de la Création mentale de l'univers enseigne que au début du Cycle créatif, le Tout dans son aspect «d'Être existant» projette sa volonté vers l'aspect de «Devenir» et le processus de création commence. Elle explique que ce processus consiste à ralentir la Vibration jusqu'à ce qu'un degré très bas d'oscillation soit atteint, auquel degré se manifeste la forme de Matière la plus grossière possible... Cet état est appelé le stade de l'Involution dans lequel le Tout est impliqué et contenu...

Ce stade Involontaire de la Création quelque fois appelé «Effusion» de «l'Energie divine» de même que la stade d'Evolution est appelé «Infusion». Le pôle extrême du processus créatif est considéré comme le dernier sorti du Tout, pendant que le commencement du retour en arrière du pendule du Rythme, c'est le «Pas vers la Maison», idée que l'on retrouve dans tous les enseignements hermétiques...

La Doctrine enseigne que pendant «l'Effusion» les vibrations deviennent de moins en moins rapides jusqu'à ce que le mouvement de poussée finisse par s'arrêter et que l'oscillation de retour commence. Mais il existe cette différence que pendant le stade «d'Effusion», les forces créatives se manifestent d'une façon compacte comme en tout, tandis qu'au d'individualisation qui agit, c'est-à-dire la tendance à séparer tout en Unités de Forces, si bien que, finalement, ce que laisse le Tout comme énergie individualisée retourne à sa source sous la formes d'Unités puissamment développées, ayant atteint des échelons de l'échelle de plus en plus élevés, grâce à l'Evolution Physique, Mentale et Spirituelle...

À la fin du cycle interminables des myriades de siècles, Le Tout cesse son Attention, c'est-à-dire sa contemplation et sa Méditation vis-à-vis de l'Univers, car le Grand Œuvre est terminé; tout rentre dans le Tout d'où il est sorti. Mais Mystère des Mystères, l'Esprit de toute âme, loin d'être annihilé est infiniment développé; le Créateur et le Créé sont confondus. Tel est le récit des Illuminés...

L'Homme, quand en vient le moment, cesse d'agir sur le Plan Matériel, et se retire de plus en plus dans l'Esprit Intime, qui est vraiment «le Divin Ego» (Le Kybalion, p. 73-74).

[55] Stanislas de Guaita năm 1888 đã viết thư cho Oswald Wirth như sau: «...Je vous prêterai, si cela vous fait plaisir, des ouvrages décisifs de la vrai et primitive Maçonnerie, celle qui se confond presque, pour l'investigateur contemporain, avec les Sociétés de R+C (Rose-Croix) et de philosophes inconnus...» (Như vậy có nghĩa là Tam điểm giống Rose-Croix).

... «En défendant le Symbolisme, qui est la base réelle de la Maçonnerie vous accomplissez une œuvre aussi louable que courageuse, et doublement digne d'un disciple d'Hermès: d'abord en restituant à vos Frères le fil d'Ariane qu'ils avaient perdu, et grâce auquel les initiés pourront entrer quelque jour

dans la sainte lumière de l'Écossisme intégral; 2^o en épargnant au moins un blasphème stupide et illogique à ceux qui... sont en tout cas maintenus par le symbolisme (qui demeure pour eux lettre close) dans la logique et l'affirmation verbale du spiritualisme transcendant qui est le Principe et la raison d'être de toute association maçonnique.

Oswald Wirth, l'Apprenti, Le Symbolisme, 1962, tr. 2, 3, 12, 13) Mackey's Revised Encyclopedia, Volume I, nơi chữ Emanation.

[56] Oswald Wirth, l'Apprenti, Le Symbolisme, 1962, p. 192.

[57] Ibid., p. 192. The ancient symbol of Eternity was a serpent in the form of a circle, the tail being placed in the mouth. The simple circle, the figure which has neither beginning nor end, but returns continually into itself, was also a symbol of eternity. Mackey's Revised Encyclopedia of Free Masonry, p. 340, volume I, nơi chữ Eternity.

[58] Xem Mackey's Revised Encyclopedia of Free Masonry, nơi chữ Eneffable Name.

[59] LE DELTA LUMINEUX: On distingue trois parties dans l'ensemble de l'emblème:

1- Un triangle, qui porte en son centre l'œil de l'intelligence ou du principe conscient.

2- Des rayons exprimant l'activité, l'expansion constante des l'être en vertu de laquelle le point mathématique sans dimensions, qui est partout remplit l'immensité sans limites.

3- Un cercle de nuages figurant le retour sur elles-mêmes des émanations expansives, ou, plus exactement leur condensation sous la pression de leur rencontre, puisqu'il s'agit de vibrations provenant d'une infinité de foyers.

Le tout est un schéma de l'ÊTRE dans la multiplicité infinie de ses manifestations... (Oswald Wirth, L'Apprenti, p. 201)

... L'œil cependant est parfois remplacé au milieu du triangle par les 4 lettres du nom sacré.

(Oswald Wirth, Le Compagnon, p.153)

[60] ... The hexagon formed by six triangles, whose apices converge to a point... is a symbol of the universal creation, the six points crossing the central point; thus assimilating the hexagon to the older symbol of the point within a circle...

Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry, nơi chữ HEXAGON.

[61] Xem Oswald Wirth, L'Apprenti, tr. 209 – Le Compagnon, tr. 146 và 154. Ta thấy KHÍ là LỬA D với 1 nét ngang của NƯỚC và ĐẤT là NƯỚC Ñ với 1 nét ngang của LỬA.

[62] The letter G, then has in Freemasonry the same force and signification that the letter Yod had among the Cabalists...

In Freemasonry it is given as the initial of the word GOD. Mackey's Revised Encyclopedia of Freemasonry, nơi chữ «G».

...«L'Etoile flamboyante est l'emblème du génie qui élève aux grandes choses. C'est l'image du feu sacré qui embrase l'âme de tout homme qui, résolument, sans vanité, sans basse ambition, voue sa vie à la gloire et au bonheur de l'humanité.»

Initiatiquement, l'étoile flamboyante est l'image de l'homme évolué, doué de pouvoirs psychiques,

différent en cela, comme par le travail de son intelligence, des hommes qui n'ayant pas reçu le don divin, sont figurés par le pentagramme non illuminé. Mais l'Initié a développé ses forces; il en a acquis de nouvelles en puisant dans le réservoir éternel qui est ouvert à tous ceux qui savent en trouver le chemin; aussi, maintenant que ses forces se sont décuplées dans cette fréquentation presque divine, il rayonne sur ceux qui l'entourent, il l'attire vers sa lumière nocturne ser de guide aux voyageurs harrassés par la fatigue et la peur... (Henri Durville, La Science secrète, p. 415)

[63] Pythagore parlait à ces nouveaux élus de la Cause primordiale, de celui qui est à la fois l'Un et le Tout, que les peuples figurent sous mille formes, mais qui n'en revêt aucune, dont tous les aspects ne sont que des symboles que l'on admet pour nous rendre plus accessible l'impénétrable connaissance du Divin. C'est à l'Un, au Tout, qu'il faut faire remonter l'origine des choses et, si elle nous paraît mystérieuse, c'est à cause de l'infirmité de notre intelligence incapable de s'élever à de pareilles hauteurs... (Henri Durville, La Science secrète, p. 261)

[64] Pythagore connaît l'existence de Dieu, mais il ne lui élève pas d'autels. Il ne donne pas de forme au culte que l'homme doit à la divinité. Dieu est partout, en toute chose, et l'initié lui doit ses hommages et son respect, mais il les lui doit dans la Nature elle-même. Il ne lui consacre donc pas de rites, pas de fêtes solennelles, point de sacrifices. Dieu est sans cesse présent à la pensée de l'adepte, et cette préoccupation constante le force faire hommage de toute ses actions au Créateur qui les voit et les juge. (Ibid., tr. 256)

[65] Il est facile comme on voit, d'apparenter l'enseignement pythagoricien avec la théorie bouddhique du Karma. Le devoir de l'existence présente était donc d'éliminer le mal acquis dans les vies antérieures et de se préparer aux vies futures par l'exercice de la vertu. Il était nécessaire de se soumettre à une ascèse sévère et à une forte discipline, d'élever sa pensée et d'ouvrir son cœur à des sentiments altruistes; on parvenait ainsi à ouvrir l'esprit à la voie triomphale de l'avenir. (Ib. 261-262).

[66] Le troisième degré de l'initiation pythagoricienne était la voie de la perfection. (1^{ère} stade: stade de préparation; 2^{ème} stade: stade de purification; 3^{ème} stade: stade de réalisation). Celui qui avait franchi avec succès les deux premiers stades, qui avait écouté dans le silence absolu les rythmes de la création, qui s'était identifié à la vie des êtres devait maintenant s'identifier à Dieu, pour revêtir soi-même, selon le mot de Pythagore «la forme d'un Dieu immortel.» La Récompense de cet effort magnanime était la Sagesse qui est sur terre la promesse d'immortalité. (Ibid., p.262).

[67] Pour Plotin et ses disciples, comme pour les adeptes de la Kabbale, Dieu est avant tout la cause immanente et l'origine essentielle de tout ce qui constitue les êtres ou les choses. Tout est en lui, tout part de lui, tout retourne en lui; il est le commencement et la fin de tout ce qui est. Il est partout, et nulle part. Il est partout, puisque tous les êtres sont en lui et par lui. Il n'est nulle part, parce qu'il n'est contenu dans aucun être en particulier, ni dans la somme des êtres. Il n'existe au fond qu'au-dessus de l'être, lequel n'implique qu'une de ses manifestations. Il est supérieur à l'intelligence, qui tout en émanant de lui ne saurait cependant l'atteindre. Bien qu'on l'appelle l'unité (to en) ou le premier, il serait plus juste de ne lui donner aucun nom, parce qu'il n'y en a pas puisse exprimer son essence. Il est l'ineffable et l'inconnu...

(Henri Sérouya, La Kabbale, p. 59)

[68] ... L'homme selon Plotin appartient à deux mondes: le monde de la pure intelligence (d'où il a procédé) et la monde sensible (auquel il doit son corps); par la purification, une existence vertueuse,

l'homme peut accéder au royaume spirituel, et s'unir finalement à l'Un suprême.

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, nơi chũ Plotin.

[69] La caractéristique essentielle du Soufisme est un unitarisme panthéistique, que certains font remonter à des passages du Coran mais qui, selon d'autres auteurs, aurait été emprunté principalement à des sources non-musulmanes: le Christianisme mystique, le Néo-Platonisme, Denys l'Aréopagite – le «pseudo-Denys» ... Les Gnostiques, les Mandéens, les Manichéens ... et beaucoup d'autres écoles et sectes religieuses apporteront leur contribution ... La conception de l'alfana, de l'immersion ou plongée du moi individuel dans l'être universel, présente une parenté manifeste avec la doctrine du Nirvana et plus encore peut être – car le ravissement du Soufi n'est pas la sérénité de l'arhat, mais une extase frémissante de contemplation amoureuse de la Beauté divine – avec la conception hindouite de l'absorption en Brahman ...

La progression du Soufi sur la voie qui mène à Dieu était caractérisée comme un voyage, dans lequel les «étapes» successives étaient le repentir, l'abstinence, le renoncement, la pauvreté, la patience, la confiance en Allah est la Loi, dans lequel le Soufi se montre Musulman scrupuleux, accomplissant tout ce que la religion lui enjoint de faire, mais inspiré non plus par le peur d'Allah, mais par l'amour; le second est la Voie, le chemin de recherche du Divin: l'homme qui veut le suivre doit pratiquer l'ascétisme, veiller et prier dans la solitude, se consacrer à la méditation et à l'étude des textes soufis; à la fin de la Voie, c'est la Vérité, la Certitude ultime et absolue, lorsque l'âme a atteint la Divinité quand l'homme et Dieu ne font plus qu'un.

Beaucoup de Soufis, pour avoir proclamé leur identification avec Dieu, subirent le supplice réservé aux blasphémateurs ...

E. Royston Pike, Dictionnaire des Religions, PUF 1954, nơi chũ Soufis.

Sách Kabbale của Henri Sérouya, cũng viết: «Ainsi pour les mystiques arabes, Dieu qui est en même temps la substance unique de toutes choses et la cause immanente de l'univers, se révèle et se manifeste sous trois aspects différents: ① celui de l'unité ou de l'être absolu, au sein duquel nulle distinction n'existe encore; ② celui où les objets, dont se compose l'univers, commencent à se distinguer dans leur essence, dans leurs formes intelligibles et à apparaître devant l'intelligence divine; ③ celui qui se manifeste dans l'univers lui-même, c'est le monde réel ou Dieu devenu visible.

Henri Sérouya, La Kabbale, pp. 75, 76.

[70] H.P Blavatsky essaie l'expliquer la relation qui existe entre l'homme et l'Absolu en affirmant d'abord que les Théosophes rejettent l'idée d'un Dieu personnel ou extra-cosmique et anthropomorphique, qui serait dans ce qu'il est de meilleur. Si Dieu est infini, comme le prétendent ses dévots, alors comment l'Absolu peut-il avoir une forme, ou avoir une relation quelconque entre ce qui est limité, fini, et conditionné. C'est pourquoi elle exprime son idée comme croyance en un Principe divin, Universel, la racine de toutes choses d'où tout procède et en lequel tout est absorbé à la fin du grand cycle de l'être. «Notre Divinité» dit-elle est partout en chaque atome du visible et invisible Cosmos... car il est le mystérieux pouvoir d'évolution et d'involution, omniprésent, omnipotent toujours en potentialité créatrice...

Ceci était son Absolu et puisqu'il est cet Absolu, il doit aussi y avoir à la fois un Absolu conscient et un Absolu inconscient. (Clé de la Thésophie, Section V, pp. 61-81) Le Lotus Bleu, Déc 1967, p. 31.

... La prémisses fondamentale de la Doctrine Secrète est qu'il existe un Premier Principe Illimité d'où procède toutes les manifestations des univers, les galaxies, les anges, les hommes et toutes les formes

multiples d'être à tout niveau d'existence visible et invisible, le tout partageant la Vie-Une qui vibre dans tous les plans de la Nature cherchant toujours une expression plus vaste. Nous apprenons que l'homme est un reflet de l'Univers lui-même: il a en soi tous les pouvoirs, les principes et les états de conscience du Macrocosme. Pourtant, ce sont là des semences qui doivent être éveillées par l'expérience et les pressions évolutives de la Vie.

Par degrés, au cours de son développement évolutif et en accord avec la Loi Karmique, chacun mettra en pleine action les sept principes et états de conscience et cela sera accompli par l'entrée de l'individu dans de nombreuses cultures et groupes ethniques. Chaque race et chaque groupe remplit donc un rôle important, est un champ d'expérience humaine, chacun a sa caractéristique qui appartient à toute la symphonie de l'être; et sans la note de chacun, le thème entier serait inachevé...

Le Lotus Bleu, Fév. 1967, Une Symphonie inachvée par Helen Zahara, p. 47.

[71] Notre Divinité, dit-elle, est partout en chaque atome du visible et invisible Cosmose... car il est le mystérieux pouvoir d'évolution et d'involution, omniprésent omnipotent toujours en potentialité créatrice. (Clé de la Théosophie, Section V, pp. 61-81) Le Lotus Bleu, Décembre 1967, p. 316.

[72] Indentité de nature de l'home et de l'univers est d'ailleurs la conclusion vers laquelle la science s'achemine à grands pas. Suivant les savants contemporains, toute particule matérielle est liée à tout le cosmos, par son champ électro-magnétique. Ce champ l'unit à toute autre particule matérielle, quelle que soit la distance qui le sépare. De plus, cette liaison, n'est pas sans produire dès effets sur la particule, laquelle en vertu de la loi de l'action et de la réaction, est constamment soumise à l'influence des champs électro-magnétiques des autres particules.

... Tout comme la particule de matière, l'homme cet être vivant perfectionné est «coextensif» à l'univers. Les psychanalystes et en premier lieu Jung considèrent de plus l'inconscient comme identique à tout l'univers. Comme le dit Jean Charon, «le Moi inconscient parce qu'il se confond avec tout l'Univers, est commun à tous les hommes». (C.G.Jung, L'Homme à la découverte de son Âme, p. 114)

Le Lotus Bleu, Oct. 1967, L'Homme et le Zodiaque par S. Lancri, p. 257.

... Selon la Doctrine Secrète, bien que nous puissions étudier la nature de l'homme de bien des points de vue, on ne peut le séparer un seul instant du tout universel ou le considérer en l'isolant d'un seul aspect de «l'Homme Céleste» – l'Univers – sous peine d'échouer lamentablement dans notre entreprise. – Le Lotus Bleu, Février 1967, Une symphonie inachevée, Helen Zahara, p.48.

[73] C'est pourquoi nous nous réunissons et étudions ensemble, si bien que notre compréhension de la sagesse puisse croître et que nous puissions partager avec les autres ce que nous avons découvert, étayant notre conviction de la Fraternité par la vérité prodigieuse de la Vie-Une qui relie toute manifestations et toutes les formes pour en faire un immense Tout... (Le Lotus Bleu, Fév. 1967, p.46)

[74] Le Panthéisme identifie Dieu avec la Totalité de l'Univers. Le mot vient du grec «pan» qui veut dire «tout»; c'est donc la Divinité en toute chose. Selon les paroles de Mme Blavatsky, «le Panthéisme était connu de toute l'antiquité. Il se manifeste dans la vaste étendue des cieux étoilés, dans le souffle des océans et dans le frisson de la vie qui anime le plus petit brin d' herbe. La philosophie ne saurait imaginer un univers en dehors de la Divinité, ou l'absence de cette Divinité dans le plus mince fragment de substance animée ou inanimée.»

La doctrine de Panthéisme qui s'appuie sur l'idée de l'immanence du Principe Divin dans la Nature,

était enseignée dans les temples initiatiques de l'antiquité, en Egypte et en Grèce, et on la trouve exprimée dans la littérature sacrée de l'Inde, les Upanishads et la Bhagavad Gita. En Grèce, les Stoiciens proclamaient un enseignement panthéiste, considérant la Nature comme une manifestation du mental divin. Une divinité mythologique, Pan, qui fut originellement le dieu des bergers, des pâturages, des bois, donc un génie de la Nature, devint pour ces philosophes le Dieu même du Panthéisme. Le système stoiciens, fondé par Zénon, a trouvé sa pleine expression avec les philosophes romains Sénèque, Epictète et Marc-Aurèle. Les Néo-Platoniciens se rapprochaient également des idées panthéistes. Mais cette philosophie ne tarda pas à trouver en désaccord avec l'église et son Dieu extra-cosmique.

Dans l'histoire de la pensée panthéiste, une place particulière revient à la grand figure de Giordano Bruno, ce disciple de Pythagore qui, au cours de son existence mouvementée, n'a cessé de proclamer que Dieu doit être cherché dans la Nature et non en dehors d'elle...

L'enseignement théosophique est essentiellement panthéiste. Il s'exprime notamment dans une des lettres des Maîtres (Mahatma letters to A.P. Sinnett), la dixième qui contient une répudiation énergique du Dieu des religions exotériques et la pleine adhésion au système panthéiste. L'adepte y approuve la pensée de Spinoza, qui enseignait qu'il n'y a qu'une substance laquelle est divine. Car c'est la Vie-Unique qui pénètre toute forme animée ou inanimée; c'est la Vie divine qui est l'essence de chaque atome qui est la nature, le mouvement et la qualité particulière de chaque être vivant, de chaque objet matériel...

Le Lotus Bleu, Fév. 1967, «Athéisme, Monothéisme, Panthéisme» par Hermine Sabety, p.p. 235-236.

... Le Dieu extérieur doit disparaître afin que le Dieu intérieur puisse parler à l'âme. (Ibid., p.237).

[75] La thèse théosophique est que l'homme, l'Humanité est «Dieu en devenir» ...Dieu est inconscient jusqu'à ce que l'homme ne s'éveille L'Homme est alors Dieu en éveil.

Le Lotus Bleu, Décembre 1967. – «Liberté et Responsabilité» par Wallace V. Slater, p. 316.

»» [[mục lục](#)] [[phần A](#)] [[phần B](#)]

»» [mục lục] [phần A] [phần B]



PHẦN B:

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ TRONG TAM GIÁO VÀ CAO ĐÀI GIÁO

I. Phật giáo với thuyết Thiên địa
vạn vật nhất thể

II. Lão giáo

III. Nho giáo

IV. Cao Đài giáo

KẾT LUẬN

PHẦN B

KHẢO VỀ THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ TRONG TAM GIÁO VÀ CAO ĐÀI

I. PHẬT GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Tuy Đức Phật không bàn về bản thể vũ trụ, nhưng sau này các triết gia Phật giáo cũng chủ trương Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.

Đã đành vũ trụ này từ một bản thể là Chân Như mà sinh xuất ra, nhưng các triết gia Phật giáo thường đặt ra mấy vấn đề sau đây:

- ① Thực tướng của Chân Như bản thể ra sao?
- ② Chân Như bản thể làm thế nào mà sinh hóa ra vũ trụ?
- ③ Chân Như bản thể và vũ trụ hình tướng liên lạc với nhau ra sao?

Dưới đây xin lần lượt trình bày các cách trả lời cho 3 vấn nạn trên:

1. Thực tướng của Chân Như bản thể ra sao?

a. Có nhiều môn phái cho rằng Chân Như bản thể vì siêu việt nên không thể nào bàn cãi được, đoán định được.

Trong chiều hướng này, Pháp Tướng Tông dùng chữ: phế thuyết 廢詮, đàm chỉ 談止 (miễn bàn, miễn nói).

Giáo phái Tam Luận dùng chữ: ngôn vong 言忘, lự tuyệt 慮絕 (quên lời, bỏ nghĩ).

Thiền Tông dùng chữ: bất lập văn tự 不立文字 (không dùng văn từ).

Chân Ngôn Tông dùng chữ: xuất quá ngôn ngữ đạo 出過言語道 (vượt trên ngôn từ).

Tịnh Độ Tông dùng chữ: bất khả xưng 不可稱, bất khả thuyết 不可說, bất khả tư nghị 不可思議 (không thể gọi, không thể nói, không thể nghĩ bàn).

b. Có môn phái thời muốn nhấn mạnh về tính cách không tịch, tĩnh lặng của Chân Như bản thể, nên đã dùng những chữ như: Không tịch 空寂, hư vô 虛無, không 空, chân không 真空 để mô tả bản thể. Nhưng

hư vô đây không phải là hư không, hư ảo, mà chính là Chân không 真空, Diệu hữu 妙有, Căn nguyên sinh xuất vũ trụ.

Lục tổ Huệ Năng viết trong Pháp bảo đàn kinh: «Hư không hàm tàng hết sắc tướng, vạn vật, bao gồm nhật nguyệt, tinh cầu, sông núi, đất đai, suối nguồn, khe lạch, cây cối, núi rừng, người lành kẻ dữ, cái hay, cái dở, tất cả mọi núi Tu Di cũng đều ở trong Hư không. Tính người ta cũng ở trong Hư không. Tất cả đều như vậy.» [1]

Suzuki, một thiền sư Nhật bản, viết: «Không» là một trong những vấn đề quan trọng nhất của triết học đại thừa là chữ rắc rối nhất, khó hiểu nhất cho những người không phải là Phật tử. «Không» không có nghĩa là «tương đối, tương đãi» hay là sắc tướng, hay là hư vô, hư không, mà chính là «Tuyệt đối, tuyệt đại, siêu việt, bất khả tư nghị. Nó chính là Chân Như bản thể.» [2]

c. Có môn phái thời nhìn về phía tích cực, hiện hữu, khi bản thể đã tạo thành vũ trụ. Cho nên gọi Bản thể ấy là Chân Như.

Chân Như bản thể, tuy sinh xuất vạn hữu, nhưng viên dung, bất biến nên còn được gọi là: Nhất Như — 如, Như Như 如如, Nhất tâm pháp giới — 心法界.

Vì Chân Như bản thể là cốt lõi, là Chân thân, là Thực thể của vũ trụ hình tướng này, nên còn được gọi là: Trung đạo 中道, Pháp thân 法身, Như Lai 如來, Pháp thể 法體, Thực tại 實在, Chân tâm 真心 ...

Vì Bản thể ấy là Chân tướng vũ trụ, minh linh viên giác, hoàn thiện tuyệt đối, nên còn được gọi là: Thực tướng 實相, Chân thật tướng 真實相, thực tế 實際, Chân thực tế 真實際; Viên thành thực tướng 圓成實相, Chân như 真如, Chân như bốn tánh 真如本性, Chân như tánh 真如性, Chân đế 真諦, Chân thiện 真善, Viên giác 圓覺.

Và cuối cùng để cho Bản thể cũng đượm màu Phật giáo, các triết gia Phật giáo còn gọi là Phật tính 佛性 ...

2. Chân Như bản thể là thể nào mà sinh hóa ra vũ trụ?

a. Chân Như duyên khởi

Thuyết này chủ trương vạn hữu đều do một Bản thể tuyệt đối là Chân Như sinh xuất ra. Chân Như này đồng bản thể với tâm linh con người, nên cũng có thể nói được rằng tất cả vạn hữu đều do Tâm ấy biểu hiện...

Vũ trụ này có 2 mặt:

- Một mặt vĩnh cửu bất biến, hay là Chân Như môn 真如門 (Tuyệt đối giới, bình đẳng giới).
- Một mặt biến thiên sinh diệt hay là Sinh Diệt môn 生滅門 (tương đối giới, sai biệt giới).

Thuyết này cho rằng Chân Như sinh ra vạn hữu là do vô minh. Mà vô minh là mê muội, là mù quáng. Ta thấy cung cách này không ổn, vì chẳng lẽ Chân Như tuyệt đối lại có thể mê muội mà sinh ra vũ trụ này hay sao?

b. Nghiệp cảm duyên khởi

Thuyết này chủ trương Chân Như sinh hóa ra vũ trụ do nghiệp lực (Karma) cảm triệu.

Thuyết nghiệp cảm (Karma) nếu áp dụng cho quần sinh, thì có phần đúng, nhưng nếu áp dụng cho Bản thể tuyệt đối, thì không ổn, vì chẳng lẽ Bản thể tuyệt đối cũng mắc vòng duyên nghiệp hay sao?

c. A-Lại-gia duyên khởi

Long Thọ bồ tát cho rằng: «Chân Như là Tuyệt đối; Vạn hữu là Tương đối.»

Tuyệt đối không trực tiếp tạo ra Tương đối, mà phải qua trung gian A-lại-gia (Alaya) hay Hàm tàng thức

gồm mọi chủng tử của mọi biến hóa, chuyển dịch.

Thuyết này cũng na ná như thuyết «Vô cực nhi Thái cực» của Chu Liêm Khê.

d. Lục đại duyên khởi

Phái Chân Ngôn thì cho rằng vạn hữu này do Phật Tỳ Lư Giá Na 毗盧遮那 (Vairocana = Đại Nhật Như Lai 大日如來) phân hóa ra. Phật thân Đại Nhật Như Lai gồm lục đại (địa, thủy, hỏa, phong, không, thức), nên vạn hữu từ tinh cầu đến nhân loại, đến vi trần đều gồm đủ lục đại, gồm đủ Bản thể của Đại Nhật Như Lai.

Thuyết này cũng tương đương như huyền thoại Ấn giáo: Prajapati, hay Purusa đã phân thân để sinh hóa ra vũ trụ...

e. Pháp giới duyên khởi

Thuyết này chủ trương: Bản thể khi tĩnh thì là Chân Như, khi động thì là vạn hữu. Như vậy, thực thể tức hiện tượng, hiện tượng tức thực thể, thiên biến vạn hóa mà thành ra vô số hiện tượng, nhưng không một hiện tượng nào mà không phải là sự hoạt hiện của Chân Như...

3. Chân Như bản thể và vũ trụ hình tướng liên lạc với nhau ra sao?

Về vấn đề này ta ghi nhận mấy khuynh hướng sau:

1. Bản thể siêu xuất hiện tượng (transcendence)
2. Bản thể tiềm ẩn trong lòng hiện tượng (Immanence)
3. Bản thể sinh hiện tượng, hiện tượng qui hoàn bản thể, cho nên:

- Bản thể là hiện tượng, hiện tượng là bản thể
- Sắc tức thị không, không tức thị sắc

Y thức như sóng là nước, nước là sóng...

Vì Phật giáo chủ trương Bản thể là vũ trụ, vũ trụ là Bản thể nên Phật giáo cũng đứng trong hàng ngũ phiếm thần...

Tường Duy Kiêu, tác giả cuốn Đại Cương Triết Học Phật giáo (quyển này đã được Thích Đạo Quang dịch ra Việt văn) cũng công nhận như vậy. (xem sách đã dẫn nơi tr.36)

Vì chủ trương Vạn vật nhất thể, nên Phật giáo:

- a. Chủ trương từ bi hỉ xả chẳng những đối với nhân quần mà cả với sinh linh.
- b. Chủ trương con người đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật.
- c. Chủ trương muốn thành Phật, muốn giải thoát con người phải qua nhiều kiếp (Transmigration, Renaissance, Métempsychose).
- d. Chủ trương giải thoát là:
 - Nhất trí với thực tại.
 - Qui ư triệt để đại ngộ.
 - Hòa hợp với Bản thể tuyệt đối...

(Xem Thích Đạo Quang, Đại cương Triết Học Phật giáo, tr. 54-56).

II. LÃO GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Lão giáo cũng chủ trương: vũ trụ vạn vật đều do một Bản thể sinh hóa ra. Bản thể ấy, Lão giáo gọi là Đạo.

Đạo vì là Bản thể vũ trụ, tuyệt đối, vô biên tế, nên không thể dùng danh diệu để tuyên xưng, không thể

dùng ngôn từ để mô tả.

Đạo có hai thể: Thể tiềm ẩn, và thể hiển dương.

Trước khi sinh ra vũ trụ, Đạo ở thể tiềm ẩn, Sau khi sinh ra vũ trụ Đạo ở thể hiển dương.

Vũ trụ này xét về phương diện Bản thể thì hư tĩnh, vi diệu, xét về phương diện hình tướng, thì có giới hạn, có hình danh, sắc tướng.

Muốn hiểu rõ vũ trụ thì phải bao quát cả hai mặt:

- Bản thể (Diệu 妙)

- Hiện tượng (Khiếu 徼)

Lão gia gọi thể là «Diệu khiếu tề quan» 妙徼齊觀 ...

Các ý tưởng trên đã được Lão Tử nói lên nơi chương I Đạo Đức Kinh:

«Hóa công hồ dễ đặt tên,
Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn,
Không tên sáng tạo thế gian,
Có tên là mẹ muôn vạn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy uy linh,
Hiển dương cho thấy công trình vãn vi,
Hai phương diện một hóa nhi,
Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
Ngài là chúng diệu chi môn,
Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi...»

Đạo khi chưa sinh hóa ra vũ trụ còn được gọi là: Hư 虛, Hư vô 虛無, Hồng môn 鴻蒙, Hỗn độn 混沌, Hư không 虛空, Đạo 道, Vô cực 無極, v.v...

Hư vô, Hư không không phải là hư ảo, mà là Thực thể bất khả tư nghị, vô biên tế của vũ trụ...

Vì thế Lão Tử nói: «Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, Hữu sinh ư vô...» 天下萬物生於有,有生於無 (ĐĐK, 41)

Trang Tử cũng nói: «Đầu trước hết có vô, không hiện hữu, không tên tuổi.» (Trang tử Nam Hoa Kinh, Thiên địa)...

Hai chữ Vô cực được Lão tử đề cập đến nơi chương Tri kỳ hùng 知其雄 (ĐĐK, 28).

Các danh từ Không 空 hay Hư vô 虛無 cũng được các đạo gia thường dùng. Sách Xương đạo chân ngôn viết: «Vạn vật bắt đầu từ không. Không sinh ra nhất, nhất sinh ra vạn, vạn trở về không. Không là thủy tổ muôn loài. Học giả cần biết chân không, cần phân biệt linh không với ngoan không...» [3]

Xương đạo chân ngôn còn gọi Hư vô 虛無 là Vô cực 無極 là Đơn 丹 là Đạo 道, là bản thể của trời đất. Sách viết: «Đơn là bản thể của vạn vật. Đơn là Đạo, Đạo là bản thể của hư vô. Hư vô không thể đặt tên, nên thánh nhân tạm gọi là Đạo. Hư sinh Nhất, Nhất sinh vạn, vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư...» [4]

Sách viết thêm: «Đạo gia gọi là Hư, Phật gia gọi là Không. Hư không nghe biết, nhìn biết mọi sự... Cho nên, khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư không vô lượng, vô biên đã biết, đã hay... Vì thế Nho gia: Thận độc, úy không...» [5]

Đạo 道 sinh ra vũ trụ bằng sự hiển dương phóng phát, tức là bằng Đức 德 [6] và cũng bằng sự phân liệt chia phối.

Chiều sinh hóa này đi từ Vô đến Hữu, từ khinh thanh đến trọng trước, để rồi lại xoay chiều chuyển dịch, biến hóa, cuối cùng lại trở về Nguồn gốc cũ là Đạo là Hư.

Ta có thể chứng minh những quan niệm đó bằng thư tịch Đạo giáo. Liệt Tử viết trong Xung Hư Chân Kinh:

«Hình, thanh, vị, sắc đều do Vô vi mà sinh ra.

Hình, thanh, vị, sắc khi còn, khi mất, khi có, khi không. vô vi bao giờ có cùng.

Hình thanh, vị, sắc hình hiện ra bên ngoài, mà vô vi thì không bao giờ hình hiện.

Nhưng tất cả hình, thanh, vị sắc đều là chức năng của vô vi.

Vô vi có thể Âm, có thể Dương, có thể mềm, có thể cứng, có thể vắng, có thể dài, có thể tròn, có thể vuông, có thể làm cho sống, có thể khiến cho chết, có thể nóng, có thể lạnh, có thể nổi, có thể chìm, có thể là cung, có thể là thương, có thể ẩn, có thể hiện, có thể đen, có thể vàng, có thể ngọt, có thể đắng, có thể tanh, có thể thơm. Tưởng không biết, không hay mà cái gì cũng biết, cái gì cũng hay...» [7]

Liệt Tử còn viết:

«Xưa thánh nhân lấy Âm Dương bao quát trời đất. Mà hữu hình thời sinh ra từ vô hình, nên trời đất dần dà mới có. Cho nên nói: Có Thái dịch 太易, có Thái sơ 太初, có Thái thủy 太始, có Thái tố 太素.

Thái dịch là giai đoạn chưa có Khí.

Thái sơ là giai đoạn Khí 氣 bắt đầu có.

Thái thủy là giai đoạn Hình 形 bắt đầu có.

Thái tố là giai đoạn Chất 質 bắt đầu có.

Khí, Hình, Chất có đủ nhưng chưa chia lìa nhau. Cho nên gọi là Hồn luân 渾淪. Hồn luân là khi vạn vật còn trà trộn chưa phân ly... Nhìn không thấy, nghe không ra, theo không được nên gọi là Dịch 易. Dịch không giới hạn, không bến bờ. Dịch biến thành Nhất 一, Nhất biến thành Thất 七, Thất biến thành Cửu 九, Cửu là biến hóa đến cùng cực. Thế rồi lại trở về Nhất...» [8]

Sách Linh Bảo Tất Pháp có một đoạn tương tự như vậy, và tôi đã phiên dịch đại khái thành thơ như sau:

«Tự Đạo phân chia số mới thành,
 Ngũ hành hình tượng: Đạo nha manh,
 Năm phương vũ trụ: Thân phân liệt,
 Chất sắc năm màu: Đạo tán sinh.
 Số từ vô số xuất sinh,
 Trở về vô số mới thành vắng lai.
 Tượng từ vô tượng phân bài,
 Trở về vô tượng, trong ngoài ấm êm.
 Vị hoàn vô vị mới nên,
 Chất hoàn vô chất tinh tuyền trước sau.
 Chớ chia Đạo thể nhiệm màu,
 Số kia bám víu vào đâu sinh thành.
 Muốn trừ cho hết tượng hình,
 Ngừng cơ biến hóa, mối manh tiêu liền.
 Vị ngôi muốn hết dưới trên,

Thời dừng phân biệt bản nguyên làm gì.

Đạo không phát tán chia ly,

Thời trôi vật chất biến đi từ đời,

Đạo là vô số, vô ngôi,

Vô hình, vô chất, chia phối nhẽ nào.

Đạo trời vi diệu biết bao...» [9]

Vòng tuần hoàn biến dịch của vũ trụ đã được Trang tử toát lược bằng một câu: «Vạn vật giai xuất ư cơ, giai nhập ư cơ» (Vạn vật đều xuất ở Cơ ra, rồi lại đều trở về Cơ.) [10]

Đạo Đức Kinh, chương 16, viết:

«Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên,

Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh,

Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng...» [11]

Con đường tu luyện để trở về kết hợp với Đạo với Trời đã được dấu ẩn ngay trong trung tâm đầu não con người.

Nhập Dục Kinh, trang 10b, viết:

«Nê hoàn nhất khiếu đạt thiên môn,

泥丸一竅達天門

Trực thượng Hư Hoàng Ngọc Đế tôn,

直上虛皇玉帝尊

Thử thị chân nhân lai vãng lộ,

此是真人來往路

Thời thời khóa hạc khứ triều nguyên...»

時時跨鶴去朝元

Tạm dịch:

«Nê hoàn một khiếu thấu cửa trời,

Ngọc Hoàng Thượng Đế ấy tòa ngôi.

Thánh hiền lui tới duy đường ấy,

Cưỡi hạc băng chùng thẳng tới nơi...»

III. NHO GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Ta sẽ dùng Dịch Kinh, một cuốn thánh thư của Nho giáo để diễn minh tư tưởng trên.

Dịch Kinh chủ trương:

1. Vũ trụ này đã do một Căn nguyên duy nhất, một Bản thể duy nhất phân hóa ra. Bản thể duy nhất ấy gọi là Thái Cực.

Thái Cực tuy là duy nhất nhưng thực ra đã bao hàm đủ âm dương. Bản thể duy nhất ấy gọi là Thái Cực.

Thái Cực tuy là duy nhất nhưng thực ra đã bao hàm đủ âm dương. Bản thể vũ trụ tuy là Nhất nguyên, nhưng lưỡng cực...

Dịch kinh đã cổ trình bày tư tưởng trên bằng:

a. Hình vẽ Thái Cực [.

b. Bảng chữ: Chữ Dịch 易 gồm 2 chữ Nhật 日 Nguyệt 月.

Chữ Thổ 土 gồm 2 nét Âm Dương 二 và nét số 1 hợp nhất.

c. Bảng số: 5 hay 15

$$5 = 2 + 3$$

$$15 = 6 + 9$$

2. Bản thể ấy đã sinh hóa, phóng phát ra vũ trụ bằng cách phân hóa.

1 chia 2

2 chia 4

4 chia 8

8 chia 16, chia 32, chia 64, v.v.

Dịch diễn tả tư tưởng ấy bằng chữ: «Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh bát quái.»

Hoặc bằng hình vẽ: Viên đồ và Hoành đồ.

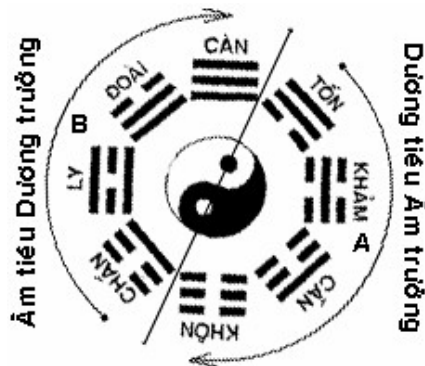
- Viên đồ: Bản thể vũ trụ và vạn hữu vẽ thành vòng Dịch tròn. Lúc đó: Tâm điểm là Thái cực. Vạn hữu là hào quái bao quanh bên ngoài. Thái cực hay Bản thể như vầng Thái dương sinh xuất muôn ánh hào quang vạn hữu...

- Hoành đồ: Bản thể vũ trụ (Thái cực) và Vạn hữu (hào quái)xếp thành hình ngang. Lúc ấy, Bản thể (Thái cực) là gốc cây, vạn hữu là như cành, như lá bên trên...



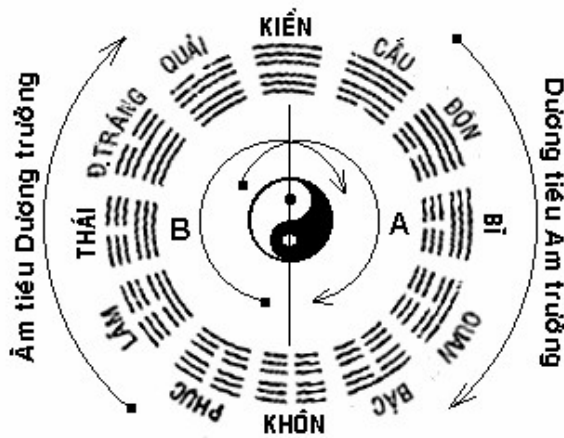
3. Vòng biến dịch tuần hoàn của vũ trụ được tượng trưng bằng

a. Vòng dịch Tiên Thiên Bát Quái.



b. Bảng vòng dịch Tiên Thiên 64 quái.

c. Hoặc giản dị hơn, bằng vòng Thập nhị quái khí.



Ta có thể trình bày vòng tuần hoàn biến dịch một cách khác như sau:

Trông vào hình đồ trên ta thấy:

- 1- Thái cực ở Tâm điểm,
- 2- Vạn hữu được tượng trưng bằng sáu vòng tròn bao quanh.
- 3- Vòng biến dịch bắt đầu từ tâm điểm đi ra, tới biên, rồi lại quay ngược trở về tâm.
- 4- Càng đi ra, âm càng thịnh, dương càng suy. (âm từ 1 hào, dần dần tăng mãi lên cho đến 6 hào).
- 5- Lúc vòng Dịch quay trở về được đánh dấu bằng quẻ Phục 復 (quay trở lại).

Như vậy Phục là bắt đầu con đường hồi tâm, qui tâm, hồi hướng, hướng nội. Phục cũng là kiến Thiên địa chi tâm 見天地之心 (Thấy được Tâm của trời đất), Bản thể của trời đất. Tâm trời đất cũng là Tâm mình...

6- Càng đi sâu vào Tâm, càng trở nên trong sáng: Âm căn càng ngày càng giảm, Dương quang càng ngày càng tăng. Vào đến vòng tròn thứ sáu là đạt Thuần Dương, Thuần Kiền.

7- Vào với Tâm điểm là đắc Đạo, đắc Nhất, đắc Thiên...

8- Vòng biến dịch tuần hoàn trên vẽ lại đời sống con người lý tưởng cũng như đời sống nhân quần, toàn bộ lịch sử tiến hóa con người. Chẳng những thế cũng còn vẽ lại được vòng biến dịch luân lưu của mặt trời, mặt trăng, hay nói rộng hơn là toàn thể chu kỳ biến hóa của vũ trụ...

9- Vòng biến dịch này có hai chiều:

- Con người nói riêng, nhân loại nói chung, khi còn trẻ sẽ hướng ngoại, đem tinh thần phục vụ giang sơn tổ quốc, cải thiện ngoại cảnh, đổi lấy miếng cơm manh áo, đóng góp với đời...
- Khi đã luống tuổi, khi đã trở về già, sẽ hướng nội, qui tâm, sẽ dùng ngoại cảnh để hỗ trợ cho tâm thần,

tu luyện bản thân, tiến mãi trên con đường huyền hóa.

Vì thế Dịch mới nói: «Nhất Âm, nhất Dương chi vị đạo, kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã.» — 陰 — 陽 — 之 — 謂 — 道 — , 繼 — 之 — 者 — 善 — 也 — , 成 — 之 — 者 — 性 — 也 (Hệ từ thượng, chương 5) (Một Âm, một Dương là đạo [đạo có 2 chiều Âm và Dương: chiều Âm đi trước, chiều Dương đi sau]. Theo được đường đó thời tốt, đi đến cùng đường sẽ thực hiện được tính Trời...)

Chỗ cao siêu của Dịch là cốt dạy con người «Tẩy tâm thoát tàng ư mật» 洗心退藏於密 (Hệ từ thượng, chương 11) (Tẩy rửa tâm hồn, trở về với tâm linh).

«Các chính Tính mệnh, bảo hợp Thái hòa.» 各正性命保合太和 (Kiền quái, Thoán truyện) (Hoàn thiện tính mệnh mình, hợp nhất với Thái cực, Thái hòa...)

Quan niệm Nhất thể vạn vật đã đưa đến những hệ quả sau đây:

① Con người là một phân bộ trong thống thể vũ trụ, nên có liên quan mật thiết với vũ trụ.

Trình Minh Đạo (1032-1065) viết: «Ta và vạn vật đều chung một Bản thể.» (vạn vật với ta như là một cơ thể.) [12]

Lục Tượng Sơn (1140-1192) viết: «Việc ở trong vũ trụ chính là việc trong bốn phận mình; việc ở trong bốn phận mình, chính là việc ở trong vũ trụ.» [13]

Linh mục Vương Xương Chỉ, tác giả quyển Triết học luân lý của Vương Dương Minh, đã viết: «Tin rằng vũ trụ này là một thống thể, trong đó sự thác loạn của một bộ phận có ảnh hưởng đến toàn bộ vũ trụ, tin rằng con người là tâm điểm vũ trụ, tâm con người là tâm vũ trụ, đó là tư tưởng hàm tàng trong kinh điển, và đã được các triết gia thời Tống chủ trương. Cũng như các triết gia Trung Hoa khác, Vương Dương Minh cũng nhắc lại: «Con người là tâm điểm vũ trụ. Vũ trụ và ta là một thống thể.» [14]

Linh mục Matteo Ricci (1552-1610), sang giảng đạo bên Trung Hoa vào cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17 đã nhận định như sau: «Trào lưu tư tưởng mà nhiều người đã theo hiện nay, theo tôi, có lẽ đã vay, mượn ở một giáo phái tà thần từ 500 năm nay (Tống Nho). Quan niệm ấy là: Thiên địa vạn vật nhất thể. Hóa công cũng với trời đất, người vật cỏ cây, tứ tượng, đều hợp thành như một cơ thể duy nhất, mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy, họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Trời.» [15]

② Mọi người đều giống nhau về phương diện bản thể.

Mạnh Tử nói: «Phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những bậc thánh nhân và chúng ta đều cùng một loại...» [16]

③ Con người có thể tiến tới Đại thể, có thể hòa đồng với Đại thể vũ trụ. Đó chính là chủ trương «Cao minh phối Thiên, bác hậu phối địa» của Trung Dung. (Trung Dung, 26)

Trình Tử cho rằng: «Thánh nhân phải có một tâm kích mệnh mông như vũ trụ.» [17]

④ Thế giới là một nhà, người trong 4 biển đều là anh em.

Trương Hoành Cừ (1020-1077) làm bài Tây Minh, tóm tắt đại khái nhân sinh quan mình như sau: «Lấy thế giới làm một nhà, Trời đất làm cha mẹ, nhân loại làm anh em, vạn vật làm đồng loại của mình. Vì xem thế giới là một nhà, trời đất là cha mẹ, nên người ta phải giữ cho tròn bốn phận làm người, vì xem nhân loại đều là anh em, vạn vật đều là đồng loại, nên người ta phải rộng lòng nhân ái.» [18]

Lễ Ký nơi thiên Lễ Vận đã đề ra một thế giới đại đồng. Và kinh Dịch nơi quẻ Đồng Nhân cũng đưa ra một viễn tượng đại đồng mai hậu...

IV. CAO ĐÀI GIÁO VỚI THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Cao Đài giáo thừa hưởng tất cả kho tàng tư tưởng của Tam Giáo nên khảo về Tam Giáo tức là mặc nhiên đã khảo về Cao Đài giáo.

Nhưng Cao Đài giáo cũng có một kho tàng tư tưởng riêng. Đó là Cơ Bút. Các bài Cơ Bút đã được ấn hành dưới nhan đề: Thánh Giáo Sưu Tập, gồm 5 tập, từ 1965 đến 1973.[\[19\]](#)

Dưới đây, sẽ chỉ dùng những tài liệu đặc biệt của Cao Đài giáo để trình bày học thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể với các hệ quả nó dẫn tới.

1. Cao Đài giáo chủ trương: Vạn vật nhất thể.

Nhất thể tuyệt đối, hay Thiên Nhân, hay Cao Đài v.v... đã sinh hóa ra vũ trụ.

Đại Thừa Chân Giáo nơi trang 65 viết:

«Tại sao lại dạy thờ Thiên Nhân?
Thiên Nhân là căn bản chúng sinh.
Đó là một Đấng trọn lành,
Một ngôi Chúa tế hóa sanh muôn loài...»

Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, nơi trang 39, viết:

«Thuở chưa dựng nên ngôi Trời đất,
Khoảng không gian mịt mịt mờ mờ,
Hồn nhiên một khối ban sơ,
Vần vần luân chuyển gồm cơ nhiệm màu,
Khí khinh khinh tỏa sâu rộng khắp,
Ánh huyền huyền bền chặt lưu hành,
Vô hình, vô tình, vô danh,
Cưỡng viết: «Đại Đạo» hóa sanh vô cùng,
Tượng một điểm tụ trung duy nhất,
Là Lý, ngôi Thái cực Thánh hoàng,
Vận hành phân khí tạo đoan,
Âm dương ngưng tụ, thể gian lập thành,
Một lý ấy hóa sanh trời đất,
Gồm chung bầu trời đất chở che,
Ngũ hành luân chuyển mọi bề,
Thâu tàng, sinh trưởng, xuân hè thu đông.
Vạn vật cũng Lý đồng sinh hóa,
Nhơn nhơn đều Đạo cả dưỡng nuôi,
Noãn, thai, thấp, hóa, vô hồi,
Trường tồn tiến thoái, cõi đời tam ngươn.
Có trời đất, có nhơn có vật,
Có đạo màu, trời đất định phân,
Thế nên khắp chốn hồng trần,
Đều do Lý Đạo tạo phần hữu vô...»

Như vậy: Vạn vật đều đồng một thể với Đạo với Trời.

Mọi người đều đồng bản thể với Đạo, với Trời.

Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, nơi trang 35, viết:

«Đạo là ngôi Nhất Nguyên chủ thể,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh.»

Thánh Giáo Sưu Tập 1968-69, nơi trang 200, viết: «...Vì các con là một trong vạn vật chúng sinh, mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau, tức là các con đã thương Thầy...»

Nơi trang 186 lại viết: «Thượng Đế chỉ nói một câu: Thầy là các con, các con là Thầy, có nghĩa rằng tất cả đồng chung một bản thể, tuy hình tướng bên ngoài và cách xưng hô có khác nhau, nhưng chung qui là có một, không riêng gì của ai...»

Đại Thừa Chân Giáo, nơi trang 65, viết:

«Thật là diệu diệu, huyền huyền,
Trời người có một chẳng riêng khác gì.»
Thánh Giáo Sưu Tập 1966-67, nơi trang 36, viết:

«Con là một Thiên liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang...
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình...»

Nơi trang 229 viết:

«Người với Trời thể chất song song,
Nếu mình bền chí gia công,
Tu thân luyện mạng cũng mong thành Trời.»

Cho nên mục đích chính yếu của Cao Đài chính là dạy con người giác ngộ chân lý: TRONG THÂN CÓ TRỜI.

Thánh Giáo Sưu Tập 1968-69, nơi trang 86, viết:

«Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sinh,
Chúng sinh giác ngộ biết tu hành.
Thương yêu lựa tách người khôn dại,
Điều độ đừng chia kẻ dữ lành...»

Thánh Giáo Cao Đài thường xuyên nhắc đi nhắc lại: «Dưới lớp nhân tâm còn có Thiên tâm.» Thiên tâm ấy là:

- Thánh tâm, Linh tâm, (TGST 1972, tr. 48)
- Thiên tánh, Phật tánh, (TGST 1972, tr. 112)
- Tâm vương, (TGST 1972, tr. 137-138)
- Đạo tâm, (TGST 1972, tr. 99)
- Phật tâm, (TGST 1972, tr. 112)
- Kim thân, (TGST 1972, tr. 128)

- Kim thân Phật thể, (TGST 1972, tr. 129)
- Như Lai bốn tạng, (TGST 1972, tr. 128)
- Căn nguyên bốn tánh (TGST 1972, tr. 24)
- Chân ngã, Chân như bốn thể (TGST 1970-71, tr. 83-87)

Nó khác với cái phàm tâm, cái bản ngã, tức là cái ta nhỏ hẹp, hữu hạn nơi tâm tư bên ngoài, cũng còn gọi là cái Giả ngã... (TGST 1970-71, tr. 83, 87, 134; TGST 1972-73, tr.99, 105).

Mới hay:

«Tâm xích tử trọn lành trọn tốt,
Tánh viên minh ẩn lốt vạn thù...»
(TGST 1972-73, tr.130)
«Đeo đai sắc tướng hữu hình,
Quên mình vẫn có riêng mình Tạo công»
(Ibid., tr.130)
«Đạo vốn vô sanh cùng bất diệt,
Kim thân hằng hữu tại thân này...»
(Ibid., tr.128)

Giác ngộ chính là khi cái ta bản ngã (phàm tâm) tìm ra được cái Ta Thiên tánh (Thiên tâm).

«Còn cái ta là ai? Có phải cái Ta là Thiên tánh, trong cái bản ngã của thiên hạ chăng? Nếu ta bản ngã không tìm được cái Ta Thiên tánh, thì biết đời thuở nào mới kết quả được ý nghĩa của câu: «Thầy là các con, mà các con là Thầy.» (TGST 1970-71, tr.134)

Học Đạo, tìm Đạo, học triết để biết mình, chung qui là cốt tìm cho ra Cốt lõi con người, Trục cốt con người, cũng như Cốt lõi, Trục cốt vũ trụ, Trung điểm vũ trụ, trung điểm con người, chính là đi tìm cho ra cái Ta bao quát cổ kim, Vũ Trụ... cái Tâm Vũ Trụ...

«Nên duyên Tiên Phật diệt lòng trần,
Không chánh, không tà, không ngã nhân.
Chỉ một cái tâm, tâm vũ trụ,
Thoát ly vạn tướng phục nguyên thần...
Nguyên Thần thường trụ chẳng phong ba,
Đáy nước bửu châu hiện chói lò.
Bát nhã khai tâm vô nhất niệm,
Trên trời, dưới thế biết rằng Ta.
Rằng Ta là một Cái Ta chung,
Rộng lớn bao la ở khắp cùng.
Ta chẳng có ta mà vẫn có,
Có Ta, Ta cũng chỉ Tâm Trung.»
(TGST 1972-73, tr.78)

2. Cao Đài chủ trương: Phản bốn hoàn Nguyên, Qui căn phản bản.

Đại Thừa Chân Giáo viết nơi trang 124:

«Một Lý phân hai thuận nghịch hành,
 Nghịch hành tu luyện đắc trường sinh.
 Vô vi Đại Đạo nào ai thấu,
 Thấu đặng về nơi Tử Phủ thành...»

Nhưng như trên đã chứng minh, Đạo hay Thượng đế hay Thiên Nhân, hay Chân Như Phật tánh đã tiềm ẩn trong lòng con người để làm căn cơ, để làm căn nguyên, bản thể con người, thì nghịch hành, hay qui nguyên phản bản, chính là đi vào tâm để mà tìm Đạo tìm Trời. Đó cũng chính là một chủ trương cốt cán của Cao Đài...

Thánh Giáo Sưu Tập 1972-1973 cũng đã xác định Qui Nguyên là Qui Tâm, (xem sách trích dẫn nơi tr. 67).

Thánh Giáo Sưu Tập 1970-1971, nơi trang 53, viết:

«Đạo tại tâm hê, Phật tại tâm,
 Vọng cầu bên ngoài thị hôn trầm,
 Nhơn nhơn tự hữu Như Lai tính,
 Tánh đắc Như Lai pháp diệu thâm...»

Thánh Giáo Sưu Tập 1965, nơi trang 51, viết: «Đạo vẫn luôn luôn ở tại trong tâm tánh của mỗi người nhưng tiếc vì người chưa khổ công nghiên ngẫm, học hỏi giáo lý, nên chưa tìm phăng ra mối.»

Đại Thừa Chân Giáo (tr. 118) viết:

«Các con phải hiểu phải tàng,
 Đạo Thầy uẩn minh quang tâm điền,
 Con nào hữu kiếp thiện duyên,
 Gặp minh sư chuyển diệu huyền nơi tâm.»

Thánh Giáo Sưu Tập 1972, nơi trang 165, viết:

«Đạo tại tâm trung chẳng phải xa,
 Thật hành quyết chí sẽ tìm ra.
 Phật, Tiên, Thượng đế không xa lắm,
 Xa hoặc được gần cũng bởi ta...»

Cao Đài Giáo Lý cũng cho ta thấy thực sự Đạo ở nơi đâu, Trời ở nơi đâu trong con người.

Thánh Giáo Sưu Tập 1968-69, nơi trang 5, đã cho biết chỗ cất giấu chìa khóa thiêng để mở mọi cửa nhiệm huyền: «Bao nhiêu huyền bí thiêng liêng, nhiệm màu siêu việt, nhưng chìa khóa mở, đức Chí Tôn đã đặt trong chỗ cao nhất của mỗi người, hãy tìm lấy và mở lấy. Hỡi chư hiền.»

Chỗ cao nhất trong con người là nơi đâu? Thừa là Nê Hoàn Cung, là Não Thất Ba, nơi tâm điểm đầu não con người. Cửa trời ở đây, Thượng Đế ở đây, Thiên Nhân ở đây, Thiên thai cũng là đây.

Đại Thừa Chân Giáo, nơi trang 61 viết: «Huyền quan nhất khiếu là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Hoàn cung, gom trọn chơn dương chính đạo...»

Nơi trang 56 lại viết: «Chữ Cao Đài là gì? Là Côn Lôn đánh hay là Nê hườn, thuộc về thượng giới... Thiên môn là cái gì? Là cái khiếu Nê Hoàn cung đó. Chừng nào linh hồn phá Thiên Môn đặng là nhập vào Thượng Thanh Cung.»

Nơi trang 56, Đại Thừa Chân Giáo còn cho biết:

Trong hình thập tự, nơi nét sổ ngang có Tam Thanh chi vị. Tam Thanh là Chân Thanh, Ngọc Thanh và Thượng Thanh.

Chân Thanh là Nguyên khí, Thượng Thanh là Nguyên Thần, Ngọc Thanh là Nguyên tinh. Nếu Thượng Thanh là Nê Hoàn cung, là Não Thất Ba, thì Chân Thanh và Ngọc Thanh phải là xoang não bên của đầu não con người chứa đựng Nguyên tinh, Nguyên khí, Nguyên thần con người...

Nếu Thiên Nhân ở đó, thì Chân Như Phật tánh cũng ở đó, Thiên Thai lạc cảnh cũng ở đó, Tâm vương cũng ở đó, nơi Trời người gặp gỡ cũng ở đó...

Đại Thừa Chân Giáo viết nơi trang 66:

«Mỗi người có tánh Như Lai,
Tìm ra thấy sẵn Thiên thai bên mình.»
Thánh Giáo Sư Tập 1972, nơi trang 138, viết:
«Tâm vương ngự trị ở con người,
Đó cũng là nơi hiệp với Trời...»

Đọc Giáo Lý Cao Đài ta thấy niềm tin rằng con người đã từ khối Đại Linh Quang xuống hồng trần, nên cần phải tu trì để trở về ngôi vị cũ, trở về quê hương cũ... (Thánh Giáo Sư Tập 1970, các trang 87,185,195, 198, 199, 200, v.v...)

Vì thế mới chủ trương:

«Xưa toàn linh bước vào cõi tạm,
Tạm đầy rồi vượt phẩm Phật tiên,
Phải đâu, căn kiếp nghiệp duyên,
Sở sanh, sở trụ ở miền trần gian...»
(TGST 1970, tr. 198)

Như vậy là Cao Đài chấp nhận quan niệm Luân Hồi, chuyển kiếp... Và vì Cao Đài chủ trương vạn vật đồng nhất thể nên chủ trương: Ái vật, Ái nhân... (TGST 1972-73, tr. 24)

«Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
Căn bản làm đầu, một chữ thương,
Thương chúng, thương mình, thương tất cả.
Thì đem chân đạo sớm hồng dương...»
(TGST 72-73, tr. 157)

Tu hành đặc đạo là: «Quán triệt chỗ hư linh để xả vạn duyên mà đặc pháp.» (TGST 1972, tr.133)

Thành Tiên, thành Phật, thành Trời:

«Đạo có gì đâu, Đạo ấy Trời,
Trời là Tiên Phật cũng là người.
Người hay giác ngộ thành tiên Phật,
Tiên Phật vọng tâm cũng xuống đời...»
(TGST 1972, tr. 170)

Theo Cao Đài, tu hành có mục đích là thành tiên, thành Phật, thành Trời.

«Tu hành là học làm Trời,

Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian?»

(TGST 70-71, tr.134)

Cho nên đắc đạo là: Trở về được với Điểm Đạo trong con người...

«Khi nhìn qua tất cả vạn vật, hình thức vẫn khác nhau, danh tánh khác nhau, nhưng tựu trung vẫn có một điểm đạo. Đó là Thượng Đế chí tôn, đó là nhân bản, đó là Thánh, Hiền, Tiên, Phật.» (TGST 1970, tr. 95)

Thế là đắc Nhất, thế là hợp nhất với Thượng Đế...

«Rồi từ cái được nhiều như vậy, các con nếu biết phương pháp để đạt tới sự đắc nhất, là chìa khóa mở cửa đạo, hiệp với đạo, hiệp với Thầy vậy.» (TGST 1970, tr. 207-208)

Thế là dùng lẽ MỘT mà cắt nghĩa tất cả.

Một là Bản nguyên vũ trụ, Một là căn do mọi biến hóa trong vũ trụ, và lúc chung cuộc con người lại trở về với Một, vạn hữu lại trở về với Một. Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể hay ở chỗ đó, mà đẹp cũng ở chỗ đó...

«Một là tất cả đó con ôi,
Tất cả biết gom: một lẽ Trời,
Mới ứng dụng vào trong thế sự,
Không là những chuyện nói đùa thôi...»

(TGST 1970-71, tr. 210)

Cao Đài còn có nguyện ước là đưa Việt Nam về với Căn Bản siêu việt đó:

«Đi về đâu VIỆT NAM ơi,
Về nơi Nhân Bản của Trời trước kia...»

(TGST 1970-71, tr. 215)

KẾT LUẬN

Xin kết luận Thiên Khảo Luận này bằng mấy ước mong:

* Ước mong rằng: những nét chính yếu về triết học, và đạo giáo nêu trên, sẽ vạch ra cho nhân loại sau này một con đường tiến hóa chân chính, để qui Căn bản Bản...

* Ước mong rằng học thuyết THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ vì phối hợp được mọi tinh hoa của nhân quần tự cổ chí kim, từ đông sang tây, sẽ góp được vào công cuộc xây dựng một ĐẠI ĐẠO cho nhân quần...

Saigon, 23.9.1976.

[1] Pháp bảo đàn kinh, Bát nhã phẩm đệ nhị. - Xin xem: Thích Đạo Quang, Đại cương triết học Phật giáo.

[2] Empty (Sunya) or emptiness (sunyata) is one the most important notions in Mahayana philosophy and at the same time the most puzzling for non-buddhist reader to comprehend. Emptiness does not mean «relativity» or «phenomenality» or «nothingness» but rather means the absolute or something of

transcendental nature, although this rendering is also misleading as we shall see later...

Dr. Suzuki, Manual of Zen Buddhism, p. 29.

[3] Phàm vật giả thủy ư không, Thái cực giả không dã. Không năng sinh Nhất, Nhất năng sinh vạn, dĩ vạn hoàn Nhất, Nhất phục hoàn không... 凡物者始於空, 太極者空也. 空能生一, 一能生萬, 以萬還一, 一復還空.

Không giả vạn vật chi tổ dã. Học giả yếu kiến Chân không, vật kiến giả không, yếu kiến Linh không, vật kiến ngoan không... 空者萬物之祖也. 學者要見真空, 要見靈空, 勿見頑空. Xưởng đạo chân ngôn, q.2, tr.9.

[4] Đơn giả thiên địa chi bản dã. Hà dĩ vi thiên địa vạn vật chi bản. Đơn giả, Đạo dã. Hư vô chi thể dã. Hư vô bất khả lập danh. Cổ thánh nhân dĩ Đạo danh chi. Hư sinh Nhất, Nhất sinh vạn, vạn hoàn Nhất, Nhất hoàn Hư. 丹者天地之本也. 何以為天地萬物之本丹者, 道也. 虛無之體也. 虛無不可立名. 故聖人以道名之虛生一, 一生萬, 萬還一, 一還虛. Xưởng đạo chân ngôn, q.3, tr.19.

[5] Đạo gia vị chi Hư, Phật gia vị chi Không. Không năng vô sở bất kiến, vô sở bất văn. Không vô sở cách, Không bản vô lượng vô biên. Cổ nhân phát nhất niệm, đồng thất chi nhân bất tri, nhi vô lượng vô biên chi Không tri chi. Nhu gia chi thận độc Úy không cố dã... 道家謂之虛佛家謂之空空能無所不見無所不聞空無所隔, 空本無量無邊. 故人發一念同室之人不知而無量無邊之空知之. 儒家之慎獨畏空故也. Xưởng đạo chân ngôn, q.5, tr. 31.

[6] Đạo tán vi Đức 道散為德, les produits divers du Principe sont les manifestations de sa vertu. Đức vi Đạo chi kỳ dã 德為道之己也, la chaîne infinie de ses manifestations de la vertu du Principe, peut s'appeler le dévidage du Principe. (Léon Wieger, Les Pères du Système taoiste, p. 29)

[7] Xem Xung Hư Chân Kinh 沖虛真經, chương I.

[8] Xem Xung Hư Chân Kinh 沖虛真經, chương I.

[9] Ngọc thư viết: Nhất tam ngũ, thất cửu. Đạo chi phân nhi hữu số. Kim mộc thủy hỏa thổ, Đạo chi biến nhi hữu tượng. Đông tây nam bắc trung, Đạo chi liệt nhi hữu vị. Thanh bạch xích hoàng hắc, Đạo chi tán nhi hữu chất. Số qui ư vô số, tượng phản ư vô tượng, vị chí ư vô vị, chất hoàn ư vô chất. Dục Đạo chi vô số, bất phân chi tắc vô số hĩ. Dục Đạo chi vô tượng, bất biến chi, tắc vô tượng dã. Dục Đạo chi vô vị, bất liệt chi tắc vô vị hĩ. Dục Đạo chi vô chất, bất tán chi tắc vô chất hĩ. Vô số Đạo chi nguyên dã, vô tượng Đạo chi bản dã, vô vị Đạo chi chân dã. 玉書曰: 一三五, 七九道之分而有數. 金木水火土, 道之變而有象. 冬西南北中道之列而有位. 青白赤黃黑, 道之散而有質. 數歸於無數象反於無象, 質還於無質欲道之無數, 不分之則無數矣欲道之無象不變之則無象也. 欲道之無位, 不列之則無位矣欲道之無質, 不散

之則無質矣.無數道之原也,無象道之本也,無位道之真也. Linh Bảo Tất Pháp, hạ quyển, tr. 12a.

[10] Nam Hoa Kinh, Chí Lạc.

[11] Phù vật vân vân; Các qui kỳ căn; Qui căn viết tĩnh; Tĩnh viết phục mệnh; Phục mệnh viết trường... 夫物芸芸, 各歸其根. 歸根曰靜, 靜曰復命復命曰長.

[12] Vạn vật dữ ngã nhất thể dã. 萬物與我一體也 (Phan Bội Châu, Khổng Học Đăng, II, tr.700)

[13] Vũ trụ nội sự nãi kỷ phận nội sự. Kỷ phận nội sự, nãi vũ trụ nội sự. 宇宙內事乃己分內事. 己分內事乃宇宙內事 (Phan Bội Châu, Khổng Học Đăng, II, 715)

[14] ... Considérer l'univers comme faisant un tout et où le désordre d'une partie se répercute dans le tout, considérer encore l'homme comme un centre de cet univers et faire du cœur de l'homme le cœur de l'univers telle est l'idée contenue dans les livres classiques et exprimée surtout par les philosophes des Song... Avec tous les penseurs chinois, il (Wang Yang Ming) répète que l'homme c'est le cœur de l'univers, l'univers avec moi constitue un seul corps. (Wang Tchang Tche, S.J., La Philosophie morale de Wang Yang Ming, pp. 74-75).

[15] Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (pare) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (Philosophie des Song) c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance, et que le Créateur du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu. (Henri Bernard Maýtre, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 108).

[16] Mạnh Tử, Cáo tử (thượng), tiết 7: Cổ phạm đồng loại giả cử tương tự dã. Hà độc chí ư nhân nhi nghi chi? Thành nhân dữ ngã đồng loại dã. 故凡同類者舉相似也. 何獨至於人而疑之. 聖人與我同類也.

[17] Nhân hữu đầu sao chi lượng, hữu phủ hộc chi lượng, hữu chung đỉnh chi lượng, hữu giang hồ chi lượng. Giang hồ chi lượng cổ đại hĩ, nhiên hữu nhai sĩ, diệc hữu thời nhi mẫn. Duy thiên địa chi lượng tắc vô mẫn. Thánh nhân hữu thiên địa chi lượng dã.

(Uyên giám loại hàm, mục chữ Thánh, tr. 4670)

[18] Bửu Cầm, Tống Nho, tr. 64.

[19] Ngoài ra, các bài Cơ Bút còn được kết tập theo từng chủ đề riêng như khuyến tu hoặc dạy Pháp (tức là dạy luyện đan, luyện đạo); được in ấn và lưu hành trong một chi phái hay hội thánh nào đó, vốn là nơi

đã thiết đàn để có các bài Cơ Bút ấy. Các bài khuyến tu, khuyến thiện thì có tính phổ truyền (phổ biến rộng rãi cho mọi người trong và ngoài đạo) nhưng các bài Cơ Bút dạy Pháp (luyện đan, luyện đạo) thì có tính mật truyền (chỉ truyền cho một vài tín đồ được tuyển chọn). Đã là mật truyền thì thân thiết như cha con cũng không được phép truyền dạy cho nhau hay đưa nhau đọc. Có những đàn Pháp quan trọng (thí dụ: dạy khẩu quyết hay chỉ điểm cách khai mở huyết đạo, v.v.) thì các đấng Thiêng Liêng (thông qua đồng tử ứng khẩu) sẽ vấn đáp trực tiếp với tu sĩ. Cơ bút không dùng ở đây để tránh tiết lộ ra người ngoài, vì e rằng những kẻ hiếu kỳ, bạc hạnh, căn trí thấp thỏi, lén đọc và tự luyện tập theo sai lạc, dẫn tới điên loạn.

»» [[mục lục](#)] [[phần A](#)] [[phần B](#)]